

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Bản mô tả chương trình đào tạo Kế toán tích hợp
Chứng chỉ Quốc tế, trình độ đại học ngành Kế toán, mã ngành 7340301

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỆN LỰC

Căn cứ Nghị quyết số 03/NQ-HĐT ngày 30/5/2023 của Hội đồng trường Trường Đại học Điện lực ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Điện lực;

Căn cứ Quyết định số 1835/QĐ-ĐHDL ngày 22/10/2024 của Trường Đại học Điện lực về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Điện lực;

Căn cứ Quyết định số 638/QĐ-ĐHDL ngày 24 tháng 5 năm 2022 của Trường Đại học Điện lực về việc ban hành Quy định thẩm định, đánh giá, cải tiến chất lượng chương trình đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 639/QĐ-ĐHDL ngày 24 tháng 5 năm 2022 của Trường Đại học Điện lực về việc ban hành Quy định biên soạn, rà soát và điều chỉnh đề cương chi tiết học phần;

Quyết định số 2996/QĐ-ĐHDL ngày 27/11/2025 về việc giao nhiệm vụ tổ chức thực hiện công tác đánh giá, cải tiến chất lượng chương trình đào tạo trình độ đại học, Kế toán tích hợp chứng chỉ quốc tế, ngành Kế toán, mã ngành 7340301;

Quyết định số 3030/QĐ-ĐHDL ngày 01/12/2025 về việc thành lập Hội đồng đánh giá, cải tiến chất lượng chương trình đào tạo trình độ đại học, Kế toán tích hợp chứng chỉ quốc tế, ngành Kế toán, mã ngành 7340301;

Căn cứ Biên bản số 456/BB-ĐHDL ngày 25/02/2026 của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường Đại học Điện lực về việc thông qua chương trình đào tạo Kế toán tích hợp Chứng chỉ Quốc tế, trình độ đại học ngành Kế toán, mã ngành 7340301;

Theo đề nghị của Trường phòng Phòng Quản lý Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành chương trình đào tạo Kế toán tích hợp Chứng chỉ Quốc tế, trình độ đại học ngành Kế toán, mã ngành 7340301 (có phụ lục kèm theo).

Điều 2. Chương trình đào tạo Kế toán tích hợp Chứng chỉ Quốc tế, trình độ đại học ngành Kế toán, mã ngành 7340301 được áp dụng từ khóa tuyển sinh 2026.

Điều 3. Trưởng các đơn vị: Phòng Quản lý Đào tạo, Khoa Kế toán – Tài chính và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

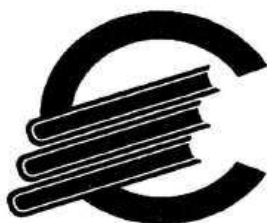
- Như Điều 3;
- Các Phó Hiệu trưởng (để chỉ đạo t/h);
- Lưu: VT, QLĐào tạo, Anhlvtv (01).



HIỆU TRƯỞNG

***Đinh Văn Châu**

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỆN LỰC



ĐẠI HỌC ĐIỆN LỰC
ELECTRIC POWER UNIVERSITY

BẢN MÔ TẢ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO KẾ TOÁN TÍCH HỢP
CHỨNG CHỈ QUỐC TẾ, TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH KẾ TOÁN

Mã ngành 7340301

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 45.7.../QĐ-ĐHDL, ngày
25.../02/2026 của Trường Đại học Điện lực)*

❧ Năm 2026 ❧

BẢN MÔ TẢ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO KẾ TOÁN TÍCH HỢP CHỨNG CHỈ QUỐC TẾ,
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC, NGÀNH KẾ TOÁN, MÃ NGÀNH 7340301

(Ban hành kèm theo Quyết định số 457 /QĐ-ĐHDL, ngày 25 tháng 02 năm 2026 của Trường Đại học Điện lực)

1. Thông tin về chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo:

Tên tiếng Việt: Kế toán tích hợp chứng chỉ quốc tế

Tên tiếng Anh: Integrated Accounting with International Certification

Ngành đào tạo: Kế toán

Mã ngành đào tạo: 7340301

Trình độ đào tạo: Đại học

Thời gian đào tạo: 04 năm

Tên văn bằng sau tốt nghiệp: Cử nhân

Tên đơn vị cấp bằng: Trường Đại học Điện lực

Nhà trường được công nhận kiểm định chất lượng theo Quyết định số 796/QĐ-KĐCL ngày 23 tháng 8 năm 2023 do Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Đại học Quốc gia Hà Nội cấp.

Thời điểm xây dựng bản mô tả chương trình đào tạo: Tháng 12/2025

2. Mục tiêu chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo Kế toán tích hợp chứng chỉ quốc tế được cấp bằng cấp cử nhân ngành Kế toán cùng với chứng chỉ của các học phần được công nhận bởi tổ chức nghề nghiệp uy tín toàn cầu ACCA (UK), được thiết kế nhằm đào tạo nguồn nhân lực kế toán chất lượng cao, có khả năng làm việc trong môi trường chuyên nghiệp và hội nhập quốc tế.

Người học được trang bị kiến thức chuyên sâu về kế toán - kiểm toán; các kiến thức cơ bản về kinh tế, kinh doanh; kỹ năng thực hành nghề nghiệp; khả năng sử dụng tiếng Anh hiệu quả trong công việc chuyên môn; ứng dụng khoa học công nghệ trong tổ chức và quản lý công việc. Đồng thời, chương trình chú trọng hình thành đạo đức nghề nghiệp, ý thức phục vụ cộng đồng, năng lực thích ứng môi trường hội nhập quốc tế, cùng tinh thần học tập suốt đời, qua đó giúp người học đáp ứng được yêu cầu của nghề nghiệp kế toán, kiểm toán chuyên nghiệp trong tương lai.

2.2. Mục tiêu cụ thể

PO1 – Kiến thức: Người học có kiến thức chuyên môn cơ bản về kinh tế, kinh doanh; kiến thức chuyên sâu và vận dụng linh hoạt chuẩn mực quốc tế và quy định của Việt Nam về kế toán và kiểm toán.

PO2 – Kỹ năng: Người học có kỹ năng thực hành nghề nghiệp, sử dụng tiếng Anh hiệu quả trong công việc chuyên môn kế toán - kiểm toán, ứng dụng khoa học công nghệ để tổ chức công việc trong môi trường làm việc khác nhau.

PO3 – Mức tự chủ và trách nhiệm: Người học có trách nhiệm trong công việc, tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, thích ứng môi trường hội nhập quốc tế, khả năng học tập suốt đời và ý thức phục vụ cộng đồng.

3. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

3.1. Chuẩn đầu ra

PLOs	Nội dung chuẩn đầu ra
	Kiến thức
PLO1	Vận dụng kiến thức cơ bản về toán học, công nghệ thông tin, khoa học chính trị và pháp luật, khoa học xã hội để xác định, xây dựng và giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực kinh doanh và quản lý.
PLO2	Vận dụng kiến thức chuyên sâu và các công cụ hiện đại của lĩnh vực kế toán - kiểm toán để từ đó phân tích, đánh giá và giải quyết các vấn đề kỹ thuật liên quan phù hợp với chuẩn mực và thông lệ quốc tế.
	Kỹ năng
PLO3	Thể hiện tư duy phản biện, tư duy hệ thống, kỹ năng làm việc nhóm, tư duy đổi mới sáng tạo, tinh thần khởi nghiệp, tổ chức và quản lý công tác kế toán - kiểm toán trong tổ chức.
PLO4	Vận dụng năng lực số, ngoại ngữ, kỹ năng giao tiếp hiệu quả và kỹ năng nghiên cứu trong hoạt động chuyên môn kế toán - kiểm toán
	Mức tự chủ và trách nhiệm
PLO5	Nhận thức và đưa ra nhận định, đánh giá chuyên môn trên cơ sở tuân thủ đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp và bối cảnh toàn cầu, môi trường, kinh tế và xã hội đương đại; có năng lực làm việc độc lập thông qua các trải nghiệm thực tiễn; phát triển bản thân, có ý thức học tập suốt đời.

3.2 Chỉ báo cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

PLOs	PI	Nội dung chỉ báo	Trọng số (%)
PLO1	PI1.1	Vận dụng kiến thức cơ bản về toán học, thống kê, công nghệ thông tin trong lĩnh vực kế toán - kiểm toán.	45
	PI1.2	Vận dụng các kiến thức về khoa học xã hội, chính trị, kinh tế và pháp luật để giải quyết tình huống trong công việc kế toán - kiểm toán.	55
PLO2	PI2.1	Vận dụng các quy định, nguyên tắc theo chuẩn mực và thông lệ kế toán - kiểm toán của Việt Nam và quốc tế trong công việc chuyên môn.	30
	PI2.2	Vận dụng được các kiến thức cơ bản trong quản lý, điều hành, tổ chức công tác kế toán - kiểm toán.	30
	PI2.3	Áp dụng các kiến thức và kỹ năng chuyên sâu trong lĩnh vực kế toán để làm việc trong môi trường kinh doanh toàn cầu.	40
PLO3	PI3.1	Có kỹ năng phản biện, phê phán, tổ chức, phân tích và đưa ra các biện pháp xử lý khác nhau trong lĩnh vực kế toán - kiểm toán	60

PLOs	PI	Nội dung chỉ báo	Trọng số (%)
	PI3.2	Có năng lực đổi mới, khởi nghiệp và tổ chức quản lý các hoạt động trong công việc kế toán - kiểm toán.	40
PLO4	PI4.1	Sử dụng tiếng Anh đạt các yêu cầu của trình độ ngoại ngữ bậc 4/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam để giao tiếp và khai thác tài liệu và học tập theo yêu cầu tích hợp.	40
	PI4.2	Vận dụng về công nghệ thông tin và chuyển đổi số, phần mềm đáp ứng yêu cầu công việc kế toán - kiểm toán.	30
	PI4.3	Vận dụng năng lực phân tích hệ thống, ngôn ngữ trong kinh doanh trong công việc kế toán - kiểm toán	30
PLO5	PI5.1	Có năng lực làm việc độc lập, đổi mới sáng tạo, tự định hướng hoạt động chuyên môn, phát triển bản thân, duy trì học tập suốt đời và trách nhiệm với xã hội, cộng đồng.	50
	PI5.2	Đủ năng lực đánh giá chuyên môn trên cơ sở tuân thủ đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp trong bối cảnh công việc và môi trường làm việc toàn cầu.	50

4. Vị trí làm việc sau tốt nghiệp

Chương trình đào tạo Kế toán tích hợp chứng chỉ quốc tế thuộc Ngành Kế toán trang bị cho sinh viên năng lực chuyên môn sâu rộng, tư duy quản trị tài chính hiện đại và khả năng làm việc trong môi trường toàn cầu. Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có thể làm việc tại các vị trí:

- Nhóm 1: Nhân viên kế toán: Kế toán viên, kế toán tổng hợp tại doanh nghiệp trong nước, doanh nghiệp FDI, tập đoàn đa quốc gia, đơn vị hành chính sự nghiệp có hoạt động tài chính, ban quản lý dự án, tổ chức phi lợi nhuận.

- Nhóm 2: Chuyên viên phân tích tài chính (Financial Analyst), phân tích hiệu quả kinh doanh, phân tích đầu tư, quản trị rủi ro tài chính tại doanh nghiệp và các tổ chức khác.

- Nhóm 3: Trợ lý kiểm toán, kiểm toán viên tại các công ty kiểm toán độc lập (bao gồm Big4 và các hãng kiểm toán khác). Nhân sự kiểm toán nội bộ, kiểm soát nội bộ (Internal Audit/Internal Control), quản trị rủi ro (Risk Management), tuân thủ (Compliance) tại doanh nghiệp, ngân hàng, công ty chứng khoán, bảo hiểm và các tổ chức khác.

- Nhóm 4: Chuyên viên thuế, tư vấn thuế, dịch vụ tuân thủ thuế (Tax Compliance), tư vấn giao dịch, tư vấn tài chính doanh nghiệp tại doanh nghiệp, hãng tư vấn, công ty kiểm toán, công ty luật hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ kế toán – thuế.

- Nhóm 5: Nghiên cứu viên thuộc lĩnh vực kế toán, kiểm toán, kiểm soát ở các viện nghiên cứu, các trung tâm, các cơ quan nghiên cứu của các bộ, ngành, các trường đại học và cao đẳng. Giáo viên giảng dạy các môn học kế toán, kiểm toán tại các trường cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp và dạy nghề.

Sinh viên CTĐT Kế toán tích hợp chứng chỉ quốc tế có khả năng chuyển đổi để làm các công việc khác trong các doanh nghiệp và tổ chức khác.

5. Khả năng phát triển và nâng cao trình độ

Người học sau khi tốt nghiệp trình độ đại học CTĐT Kế toán tích hợp chứng chỉ quốc tế thuộc ngành Kế toán có khả năng tiếp tục học tập và nghiên cứu khoa học ở bậc sau đại học (thạc sĩ, tiến sĩ) của các chuyên ngành kế toán, kiểm toán, tài chính, quản trị kinh doanh, kinh tế nói chung tại các cơ sở đào tạo trong nước và quốc tế. Tham gia các khóa học, bồi dưỡng nâng cao và chứng chỉ kế toán công chứng của Anh, Mỹ, Úc (ACCA, ACA, CPA US, CA ANZ), kiểm toán Việt Nam (CPA), chứng chỉ hành nghề thuế; Có thể phát triển sang lĩnh vực kế toán quản trị Mỹ (CIMA); Đủ điều kiện để học bằng đại học thứ 2 của các chuyên ngành liên quan khối kinh tế, ngoại ngữ, luật.

6. Chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo

- Thí sinh đã tốt nghiệp chương trình trung học phổ thông (THPT) của Việt Nam (hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên);
- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;
- Đáp ứng các điều kiện khác của Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Bộ GD&ĐT) và của trường Đại học Điện lực.
- Không vi phạm pháp luật; không trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

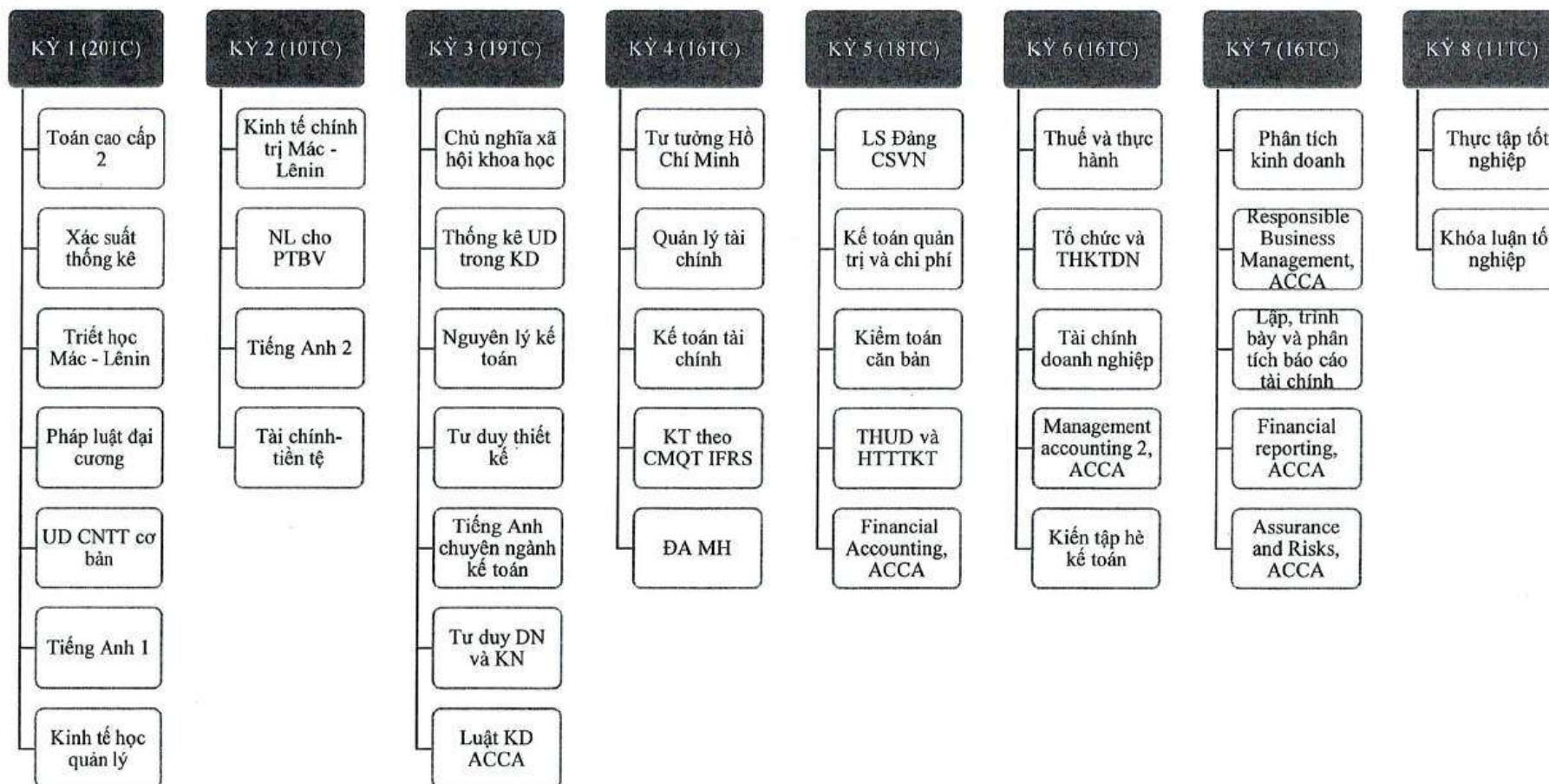
7. Khối lượng kiến thức toàn khóa

Tổng khối lượng kiến thức của toàn khóa là 126 tín chỉ bao gồm khối kiến thức Giáo dục đại cương và Giáo dục chuyên nghiệp.

Khối kiến thức Giáo dục đại cương bao gồm các nhóm môn học Toán và các môn khoa học cơ bản 5 tín chỉ, Khoa học chính trị, pháp luật và khoa học xã hội 15 tín chỉ, Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản 3 tín chỉ, Ngoại ngữ 8 tín chỉ, tổng 31 tín chỉ chiếm tỷ lệ 25% khối lượng kiến thức toàn khóa.

Khối kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp bao gồm các nhóm kiến thức về cơ sở ngành 16 tín chỉ, ngành 52 tín chỉ, chuyên ngành 16 tín chỉ, thực tập tốt nghiệp 4 tín chỉ và khóa luận tốt nghiệp 7 tín chỉ với tổng số tín chỉ là 95 tín chỉ chiếm 75% khối lượng kiến thức toàn khóa.

8. Sơ đồ về mối liên hệ giữa các học phần trong chương trình đào tạo



9. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt được chuẩn đầu ra của chương trình (Mỗi chuẩn đầu ra được đánh số thứ tự từ 1 đến n. Mức độ đóng góp được mã hóa theo 3 mức đánh giá: Mức 1: Thấp; Mức 2: Trung bình; Mức 3: Cao)

[illegible]

TT	Nội dung kiến thức/tên học phần	Mã HP	TC	Chuẩn đầu ra (PLO)										
				PLO1		PLO2		PLO3		PLO4			PLO5	
				PI1.1	PI1.2	PI2.1	PI2.2	PI3.1	PI3.2	PI4.1	PI4.2	PI4.3	PI5.1	PI5.2
1.1.1	Kinh tế học quản lý	005218	3		I		I							I
1.1.2	Tài chính-tiền tệ	002354	2				I							I
1.1.3	Thống kê ứng dụng trong kinh doanh	004557	3	I, A							R	I		I
1.1.4	Nguyên lý kế toán	001838	3			R,A		R						I
1.1.5	Quản lý tài chính	002208	3			I		R						I
1,2	Kiến thức cơ sở ngành tự chọn (chọn 2 TC)		2											
1.2.1	Tư duy thiết kế	005192	2		I			R				I		
1.2.2	Phương pháp tối ưu trong kinh tế	004723	2	R								I		
2	Kiến thức ngành		52											
2,1	Kiến thức ngành bắt buộc		49											
2.1.1	Tiếng Anh chuyên ngành kế toán	003212	3			R				M			I	
2.1.2	Kế toán tài chính	005513	4			R		R					R	
2.1.3	Kế toán tài chính theo chuẩn mực quốc tế IFRSs (FFA – ACCA Diploma)	004686	4			R,A				R,A			R	
2.1.4	Kế toán quản trị và chi phí	001051	2			R					R		I	
2.1.5	Kiểm toán căn bản	001137	3			R		R						I
2.1.6	Tin học ứng dụng và hệ thống thông tin kế toán	004869	4	R			I		I		M,A	I,A		I
2.1.7	Phân tích kinh doanh	004695	3				M,A		R		R	M	R	
2.1.8	Thuế và thực hành	004868	4	R			R		R		M			I
2.1.9	Tổ chức và thực hành kế toán trong doanh nghiệp	004870	4				M,A	R	M, A		M		R	
2.1.10	Tài chính doanh nghiệp	002338	3				M	R					R	

[illegible]

[illegible]

10. Tổ chức giảng dạy; Đánh giá kết quả học tập và cấp bằng tốt nghiệp
Thực hiện theo quy chế đào tạo trình độ đại học hiện hành.

11. Cấu trúc chương trình đào tạo

Cấu trúc của chương trình đảm bảo sự sắp xếp hợp lý, cân bằng ở từng học kỳ của năm học và từng khối kiến thức. Chương trình bố trí các môn học từ cơ bản đến nâng cao nhằm đảm bảo kiến thức được liên tục, mức độ tăng dần và đủ thời gian tích lũy kiến thức, rèn luyện kỹ năng, đạo đức, thái độ cần thiết để làm việc. Đồng thời chương trình cũng được thiết kế bảo đảm tính chuyên sâu cho từng lĩnh vực chuyên ngành và có khả năng mở rộng cho nhiều chuyên ngành khác nhau.

Nội dung chương trình bao gồm các khối kiến thức giáo dục đại cương, cơ sở ngành, chuyên ngành, tốt nghiệp có mức độ tăng dần được giảng dạy trong các môn học, đồng thời giúp người học nâng cao thêm các kỹ năng mềm, kỹ năng tin học, ngoại ngữ... rèn luyện được tác phong, kỷ luật, an toàn lao động khi làm việc. Chương trình cũng đảm bảo tính linh hoạt giúp người học có thể chuyển đổi sang các ngành học khác ở năm thứ nhất, năm thứ hai hoặc học cùng lúc nhiều chương trình.

STT	Nội dung kiến thức	Số học phần	Số TC	Tỷ lệ %	Ghi chú
I	Kiến thức giáo dục đại cương	11	31	25%	
II	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, trong đó	30	95	75%	
1	Kiến thức cơ sở ngành	6	16	13%	
1,1	Các học phần lý thuyết, hỗn hợp				
1.1.1	Bắt buộc	5	14		
1.1.2	Tự chọn	1	2		
1,2	Các học phần thực hành, thực tập.	0	0		
1.2.1	Bắt buộc				
1.2.2	Tự chọn				
2	Kiến thức ngành	17	52	41%	
2,1	Các học phần lý thuyết, hỗn hợp				
2.1.1	Bắt buộc	16	49		
2.1.2	Tự chọn	1	3		
2,2	Các học phần thực hành, thực tập.				
2.2.1	Bắt buộc	0	0		
2.2.2	Tự chọn	0	0		
3	Kiến thức chuyên ngành định hướng ACCA	5	16	13%	
3,1	Các học phần lý thuyết, hỗn hợp				
3.1.1	Bắt buộc	4	16		
3.1.2	Tự chọn	0	0		
3,2	Các học phần thực hành, thực tập.				
3.2.1	Bắt buộc	1	0		
3.2.2	Tự chọn	0	0		
4	Thực tập tốt nghiệp	1	4	3%	
5	Khóa luận tốt nghiệp	1	7	6%	
	Cộng	41	126	100%	

12. Kế hoạch đào tạo dự kiến theo từng kỳ

TT	Học kỳ	Mã môn học	Tên môn học	TC	LT	TH	MH tiên quyết	Khối kiến thức	Hình thức thi	Quy ước điểm	Khoa QL
1	1	003923	Triết học Mác Lênin	3	45	0	Không	GD ĐC	Tiểu luận	2	LLCT&PL
2	1	004546	Toán cao cấp 2	3	45	0	Không	GD ĐC	Tự luận	2	KHTN
3	1	003657	Xác suất thống kê	2	30	0	Không	GD ĐC	Tự luận	2	KHTN
4	1	004547	Ứng dụng CNTT cơ bản	3	39	12	Không	GD ĐC	Thực hành	2	CNTT
5	1	005218	Kinh tế học quản lý	3	45	0	Không	CSN	TN/ Tự luận	2	QTKD&DL
6	1	003137	Tiếng Anh 1	4	60	0	Không	GD ĐC	Thực hành	2	KNN
7	2	002018	Pháp luật đại cương	2	30	0	Không	GD ĐC	Trắc nghiệm	2	LLCT&PL
8	2	003925	Kinh tế Chính trị Mác Lênin	2	30	0	003923	GD ĐC	Tiểu luận	2	LLCT&PL
9	2	004549	Tiếng Anh 2	4	120	0	Không	GD ĐC	Thực hành	2	KNN
10	2	000801	Giáo dục thể chất	4			Không	GD ĐC	Thực hành		GDTC&QP
11	2	000785	Giáo dục quốc phòng	11			Không	GD ĐC	Thực hành		GDTC&QP
12	2	004552	Năng lượng cho phát triển bền vững	2	30	0	Không	GD ĐC	Trắc nghiệm	2	NLM
13	2	002354	Tài chính tiền tệ	2	30	0	Không	CSN	Trắc nghiệm	2	KT-TC
14	3	003926	Chủ nghĩa Xã hội khoa học	2	30	0	003925	GD ĐC	Tiểu luận	2	LLCT&PL
15	3	003212	Tiếng Anh chuyên ngành kế toán	3	45	0	004549	Ngành	Tự luận	2	KT-TC
16	3	005192	Tư duy thiết kế	2	30	0	Không	CSN	Tiểu luận/ Tự luận	1	KT-TC
17	3	005514	Enterprise & Entrepreneurship, ACCA (Tư duy doanh nghiệp và khởi nghiệp)	3	45	0	Không	Ngành	Trắc nghiệm	2	KT-TC
18	3	004557	Thống kê ứng dụng trong kinh doanh	3	30	30	003657	CSN	Tiểu luận/ TN	2	QTKD&DL
19	3	001838	Nguyên lý kế toán	3	45	0	Không	CSN	Trắc nghiệm	2	KT-TC
20	3	005518	Business Law, ACCA (Luật kinh doanh ACCA)	3	45	0	Không	Ngành	Trắc nghiệm	2	KT-TC
21	4	003505	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	0	003926	GD ĐC	Tiểu luận	2	LLCT&PL
22	4	002208	Quản lý tài chính	3	45	0	001216	CSN	Trắc nghiệm	2	KT-TC
23	4	005513	Kế toán tài chính	4	60	0	001838	Ngành	Tự luận	2	KT-TC

TT	Học kỳ	Mã môn học	Tên môn học	TC	LT	TH	MH tiên quyết	Khối kiến thức	Hình thức thi	Quy ước điểm	Khoa QL
24	4	004686	Kế toán tài chính theo chuẩn mực quốc tế IFRSs (Financial Accounting 1 – ACCA)	4	60	0	003212	Ngành	Trắc nghiệm	2	KT-TC
25	4	004681	Đề án môn học ngành Kế toán – Kiểm toán	3	0	90	001065	Ngành	BCCĐ	1	KT-TC
26	4	001051	Kế toán quản trị và chi phí	2	30	0	001838	Ngành	Tự luận	2	KT-TC
27	5	003928	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	30	0	003505	GD ĐC	Tiểu luận	2	LLCT&PL
28	5	001137	Kiểm toán căn bản	3	45	0	005513	Ngành	Trắc nghiệm	2	KT-TC
29	5	004869	Tin học ứng dụng và hệ thống thông tin kế toán	4	30	60	001838	Ngành	Thực hành	2	KT-TC
30	5	005519	Financial Accounting, ACCA (Kế toán tài chính theo định hướng ACCA)	4	60	0	004686	Ngành	Trắc nghiệm	2	KT-TC
31	5	005517	Management accounting 1, ACCA (Kế toán quản trị 1 theo định hướng ACCA)	3	45	0	005515	Ngành	Trắc nghiệm	2	KT-TC
32	6	004868	Thuế và thực hành	4	45	30	001838	Ngành	Trắc nghiệm	2	KT-TC
33	6	004870	Tổ chức và thực hành kế toán trong doanh nghiệp	4	45	30	001838	Ngành	Thực hành/ Vấn đáp	2	KT-TC
34	6	002338	Tài chính doanh nghiệp	3	45	0	Không	Ngành	Tự luận	2	KT-TC
35	6	005520	Management accounting 2, ACCA (Kế toán quản trị 2 theo định hướng ACCA)	3	45	0	Không	Ngành	Trắc nghiệm	2	KT-TC
36	6	004738	Kiến tập hệ kế toán	2	0	60	004689	CN	BCCĐ	2	KT-TC
37	7	004695	Phân tích kinh doanh	3	30	30	001023	Ngành	Tiểu luận	2	KT-TC
38	7	004692	Lập, trình bày và phân tích báo cáo tài chính	3	30	60	001023	Ngành	Tiểu luận	2	KT-TC
39	7	005521	Financial reporting, ACCA (Kế toán tài chính nâng cao)	4	60	0	005519	Ngành	Trắc nghiệm	2	KT-TC
40	7	005516	Responsible Business Management, ACCA (Quản lý kinh doanh có trách nhiệm)	3	45	0	Không	Ngành	Trắc nghiệm	2	KT-TC
41	7	005522	Assurance and Risks, ACCA (Dịch vụ đảm bảo và rủi ro)	3	45	0	005519	CN	Trắc nghiệm	2	KT-TC
42	8	004573	Thực tập tốt nghiệp	4	0	120	004870	CN	BCCĐ	1	KT-TC
43	8	004592	Khoá luận tốt nghiệp	7	0	210	004573	CN	BCCĐ	1	KT-TC

13. Mô tả tóm tắt các học phần

13.1. Triết học Mác Lênin

Mã môn học: 003923

TC: 3TC

Học phần gồm 3 chương cung cấp những kiến thức nền tảng của Triết học Mác – Lênin, bao gồm: Triết học và vai trò của triết học trong đời sống xã hội; Chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử. Từ đó, giúp sinh viên có tư duy logic, phương pháp luận khoa học và cách mạng vận dụng một cách chủ động, sáng tạo kiến thức đã học để giải quyết các tình huống, vấn đề nảy sinh trong thực tiễn.

13.2. Kinh tế Chính trị Mác Lênin

Mã môn học: 003925

TC: 2TC

Học phần Kinh tế chính trị Mác – Lênin cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về sự hình thành và phát triển của Kinh tế chính trị Mác – Lênin, về kinh tế hàng hoá, thị trường và nền kinh tế thị trường cũng như các quy luật kinh tế cơ bản trong nền kinh tế thị trường, học thuyết về giá trị thặng dư của C Mác, về quan hệ giữa cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường, nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, vấn đề công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam hiện nay. Từ đó người học vận dụng những vấn đề có tính quy luật của Kinh tế chính trị Mác – Lênin trong hoạt động nhận thức và thực tiễn, hình thành ở người học niềm tin và ý thức tuân thủ theo chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước, xây dựng và phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay.

13.3. Chủ nghĩa xã hội khoa học

Mã môn học: 003926

TC: 2TC

Học phần gồm 7 chương: chương 1, trình bày những vấn đề cơ bản có tính nhập môn của Chủ nghĩa xã hội khoa học; từ chương 2 đến chương 7 trình bày những nội dung cơ bản của Chủ nghĩa xã hội khoa học theo mục tiêu học phần.

13.4. Tư tưởng Hồ Chí Minh

Mã môn học: 003505

TC: 2TC

Tư tưởng Hồ Chí Minh là môn học thuộc lĩnh vực Khoa học chính trị, cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản và cần thiết về chính trị - xã hội, văn hóa thời đại Hồ Chí Minh sống và thực hành đạo đức cách mạng. Từ đó, vận dụng vào xây dựng xã hội mới, con người mới văn minh, tiến bộ. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng ta (1991) đã ghi vào Cương lĩnh và Điều lệ của mình: “Đảng lấy chủ nghĩa Mác – Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động”. Do đó, học môn Tư tưởng Hồ Chí Minh các bạn có một nền tảng vững chắc cho tư duy lý luận đúng đắn, có một phương pháp luận cách mạng, khoa học để sinh viên học tập tốt các môn chuyên ngành cũng như sau này trong quá trình công tác của bản thân.

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh gồm 6 chương, cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh; về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; về Đảng Cộng sản và nhà nước Việt Nam; về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; về văn hóa, đạo đức, con người.

13.5. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam

Mã môn học: 003928

TC: 2TC

- Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam là 1 trong 5 môn Lý luận chính trị được giảng dạy trong hệ thống giáo dục đại học ở Việt Nam. Đây là học phần bắt buộc sinh viên phải tích lũy kiến thức.

- Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam là một chuyên ngành, một bộ phận của khoa học lịch sử. Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam là cả một pho lịch sử bằng vàng”. Đó chính là tính khoa học, cách mạng, giá trị thực tiễn sâu sắc trong Cương

lĩnh, đường lối của Đảng; là sự lãnh đạo đúng đắn, đáp ứng kịp thời những yêu cầu, nhiệm vụ do lịch sử đặt ra; những kinh nghiệm, bài học có tính quy luật, lý luận của cách mạng Việt Nam và những truyền thống vẻ vang của Đảng.

- Nghiên cứu, học tập lịch sử Đảng không chỉ nắm vững những sự kiện, cột mốc lịch sử mà cần thấu hiểu những vấn đề phong phú đó trong quá trình Đảng lãnh đạo cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, cách mạng xã hội chủ nghĩa, từ đó vận dụng, phát triển trong thời kỳ đổi mới toàn diện, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế hiện nay.

13.6. Tiếng Anh 1

Mã môn học: 003137

TC: 4TC

Học phần củng cố những kiến thức và kỹ năng ngôn ngữ ở bậc 2/6 (Khung Năng lực ngoại ngữ Việt Nam); cung cấp, rèn luyện kiến thức và kỹ năng ngôn ngữ hướng người học đạt được năng lực tương đương bậc 3/6 (Khung năng lực Ngoại ngữ Việt Nam). Bên cạnh đó, học phần trang bị cho người học kỹ năng tương tác, làm việc theo cặp, theo nhóm; phát triển thái độ học tập tự chủ, và tư duy phản biện đáp ứng được yêu cầu của môi trường học tập kết hợp (Blended-learning) trong thời đại công nghệ số.

13.7. Tiếng Anh 2

Mã môn học: 004549

TC: 4TC

Học phần Tiếng Anh B1.2 là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo cho sinh viên chính quy Đại học Điện lực nhằm giúp sinh viên đạt được chuẩn đầu ra trình độ tương đương bậc 3/6 (KNLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam đã được quy định theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/1/2014 của Bộ GD-ĐT) gồm 15 nội dung. Mỗi nội dung bao gồm: ngữ pháp, ngữ âm và các nội dung thực hành toàn diện 4 Ngữ dụng, nói, đọc, viết thông qua các bài học đa dạng về chủ đề và loại hình bài tập.

13.8. Giáo dục thể chất

Mã môn học: 000801,000808,000813,000816

TC: 4

Thực hiện theo Quyết định số 1547/QĐ-ĐHDL ngày 04/9/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Điện lực về Chương trình môn học giáo dục thể chất dùng cho hệ đại học. Chương trình cung cấp kiến thức, kỹ năng vận động cơ bản, hình thành thói quen luyện tập thể dục, thể thao để nâng cao sức khỏe, phát triển thể lực, tầm vóc, hoàn thiện nhân cách, nâng cao khả năng học tập, kỹ năng hoạt động xã hội cho sinh viên với tinh thần, thái độ tự giác, tích cực. Giúp người học nhận thức tầm quan trọng của việc rèn luyện thân thể và phát triển thể chất cho bản thân. Biết được một số nội dung cơ bản về lý luận và phương pháp thể dục thể thao, y học thể thao, sinh lý học vận động, kiến thức về phương pháp tập luyện, rèn luyện thể chất một số môn thể thao cơ bản.

13.9. Giáo dục quốc phòng

Mã môn học: 000785, 000788, 000791, 003788

TC: 11

Thực hiện theo Thông tư số 05/2020/TT-BGDĐT ngày 18/3/2020 của Bộ GD&ĐT về Chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học. Chương trình cung cấp những kiến thức cơ bản về quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về quốc phòng và an ninh; xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân; bổ sung kiến thức về phòng thủ dân sự và kỹ năng quân sự; sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an bảo vệ Tổ quốc. Nắm được kiến thức cơ bản về công tác quốc phòng và an ninh trong tình hình mới. Bước đầu làm quen với tác phong, nề nếp, các chế độ sinh hoạt, học tập trong môi trường quân đội, có ý thức tổ chức kỷ luật trong sinh hoạt tập thể, cộng đồng ở trường, lớp.

13.10. Toán cao cấp 2

Mã môn học: 004546

TC: 3TC

Học phần giúp sinh viên hiểu được những kiến thức nền tảng ban đầu của Giải tích thực một biến và nhiều biến: giới hạn, tính liên tục, đạo hàm, vi phân, tích phân, tích phân suy rộng, tích phân bội, tích phân đường, chuỗi số, chuỗi hàm, phương trình vi phân và ứng dụng các kiến thức này để giải một số bài toán trong kinh tế, kỹ thuật.

13.11. Xác suất thống kê

Mã môn học: 003657

TC: 2TC

Học phần được chia làm hai phần:

Phần Lý thuyết xác suất: trình bày những kiến thức cơ bản về lý thuyết xác suất bao gồm các công thức tính xác suất, biến ngẫu nhiên, các đặc trưng của biến ngẫu nhiên và quy luật phân phối của biến ngẫu nhiên, từ đó hiểu được tính quy luật của các hiện tượng ngẫu nhiên. Áp dụng giải các bài toán ứng dụng trong kinh tế, kỹ thuật và thực tế.

Phần Thống kê toán: sử dụng các công cụ toán cao cấp và lý thuyết xác suất để nghiên cứu những kiến thức cơ bản về thống kê bao gồm cơ sở lý thuyết về điều tra chọn mẫu, các phương pháp ước lượng tham số và bài toán kiểm định giả thuyết thống kê trong nghiên cứu các vấn đề kinh tế. Áp dụng giải các bài toán ứng dụng trong kinh tế, kỹ thuật và thực tế.

13.12. Ứng dụng CNTT cơ bản

Mã môn học: 004547

TC: 3TC

Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản là một học phần mang tính ứng dụng, nội dung học phần được xây dựng theo các mô đun quy định tại Khoản 1 Điều 2 về “Chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản” của Thông tư 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ thông tin và truyền thông.

13.13. Pháp luật đại cương

Mã môn học: 002018

TC: 2TC

Học phần này được thiết kế giảng dạy cho sinh viên không chuyên ngành Luật. Bao gồm những nội dung cơ bản sau đây: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật làm cơ sở cho việc học tập, nghiên cứu môn học khác; Phổ biến những quy định của pháp luật thực định trong một số lĩnh vực như: hiến pháp, hình sự, dân sự, hành chính, phòng chống tham nhũng...

13.14. Năng lượng cho phát triển bền vững

Mã môn học: 004552

TC: 2

Học phần gồm các nội dung: Các chính sách phát triển năng lượng, xu hướng chuyển dịch năng lượng trên thế giới và Việt Nam; các khái niệm cơ bản về hệ thống năng lượng; nhu cầu sử dụng năng lượng; các cơ quan quản lý năng lượng Việt Nam; Cấu trúc hệ thống điện Việt Nam; sơ đồ quản trị các nhà máy điện, công nghệ sản xuất điện và các phương pháp lưu trữ điện năng; khái niệm về biến đổi khí hậu và phát triển năng lượng bền vững bảo vệ môi trường.

13.15. Kinh tế học quản lý

Mã môn học: 005218

TC: 3TC

Kinh tế học quản lý là học phần chung được giảng dạy cho sinh viên các khối ngành kinh tế, quản lý. Học phần là môn học định lượng quan trọng, trang bị cho sinh viên các kiến thức nền tảng về kinh tế vi mô và kinh tế vĩ mô. Kiến thức của môn học liên quan đến nhiều môn học đi sau của nhiều ngành nghề khác nhau như tài chính ngân hàng, quản trị kinh doanh, marketing...

Học phần gồm ba phần. Phần đầu tiên giới thiệu chung về kinh tế học. Phần tiếp theo cung cấp các kiến thức về kinh tế học vi mô như cầu – cung, lý thuyết hành vi dùng, lý thuyết về sản xuất, các cấu trúc thị trường và hành vi của doanh nghiệp, cạnh tranh phi giá và các nội dung giới thiệu về các công ty đa quốc gia. Phần cuối cung cấp một số kiến thức căn bản về kinh tế học vĩ mô như các khái niệm, phương pháp đo lường một số chỉ tiêu kinh tế vĩ mô cơ bản, giới thiệu khái quát một số mối quan hệ trên thị trường hàng hóa và thị trường tiền tệ và các chính sách kinh tế vĩ mô chủ yếu.

13.16. Tài chính-tiền tệ

Mã môn học: 002354

TC: 2TC

Học phần Tài chính tiền tệ trang bị cho sinh viên kiến thức tổng quan về tài chính, tiền tệ, lãi suất, lạm phát trong nền kinh tế thị trường. Cụ thể, học phần cung cấp những kiến thức liên quan đến hoạt động của NHTW, các tổ chức tài chính, về cung cầu tiền tệ và chính sách tiền tệ của NHTW. Qua đó, sinh viên có kiến thức nền tảng để vận dụng và giải quyết tốt các vấn đề cơ bản về Tài chính- tiền tệ trong các lĩnh vực khác nhau của đời sống kinh tế- xã hội. Ngoài ra, môn học cung cấp các kỹ năng cần thiết để sinh viên nhận biết, phân tích và xử lý thông tin, những vấn đề liên quan đến tình hình tài chính, ngân sách tại cơ quan công quyền, doanh nghiệp, ngân hàng và các tổ chức tài chính khác.

13.17. Thống kê ứng dụng trong kinh doanh Mã môn học: 004557 TC: 3TC

Thống kê ứng dụng trong kinh doanh là học phần chung được giảng dạy cho sinh viên các khối ngành kinh tế, quản lý. Học phần là môn học định lượng quan trọng, trang bị cho sinh viên các kiến thức nền tảng về điều tra, tổng hợp, phân tích và dự đoán thống kê. Kiến thức của môn học được vận dụng cho trong nhiều môn học đi sau của nhiều ngành nghề khác nhau, đặc biệt là trong lĩnh vực kinh doanh. Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về thu thập, tổng hợp, trình bày dữ liệu thống kê liên quan đến các vấn đề trong kinh doanh; trình bày các phương pháp, các kỹ năng tính toán, phân tích, dự báo, suy diễn từ số liệu, dữ liệu thu thập được.

13.18. Nguyên lý kế toán Mã môn học: 001838 TC: 3TC

Học phần Nguyên lý kế toán là học phần cơ sở cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về các nguyên lý kế toán chung, các nguyên tắc kế toán các phương pháp kế toán, hạch toán được các quá trình cơ bản: quá trình mua hàng, quá trình sản xuất, quá trình tiêu thụ; hiểu và vận dụng được cách lập chung về hai báo cáo tài chính cơ bản, hiểu các hình thức sổ kế toán và vận dụng trong công tác kế toán doanh nghiệp.

13.19. Quản lý tài chính Mã môn học: 002208 TC: 3TC

Học phần Quản lý tài chính là học phần cơ sở cung cấp cho người học những kiến thức căn bản về quản lý tài chính trong doanh nghiệp: như giá trị thời gian của tiền, cách xác định giá trị của cổ phiếu trái phiếu, xác định chi phí sử dụng vốn dài hạn của doanh nghiệp và cách xác định dòng tiền của dự án đầu tư; từ đó, xây dựng, tính toán và thẩm định để đưa ra quyết định tài chính đúng đắn, nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh, hiệu quả sử dụng vốn của doanh nghiệp và đảm bảo an toàn về mặt tài chính.

13.20. Phương pháp tối ưu trong kinh tế Mã môn học: 004723 TC: 2TC

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về mô hình hóa bài toán, nắm được các phương pháp giải bài toán quy hoạch tuyến tính và bài toán đối ngẫu, mô hình mạng và lý thuyết ra quyết định. Trang bị cho sinh viên kỹ năng chuyên các tình huống thực tế trong quản lý kinh tế thành dạng mô hình toán học, từ đó giúp đưa ra quyết định tối ưu trong kinh doanh. Ngoài ra, môn học cung cấp cho sinh viên một số phần mềm giải các bài toán quy hoạch tối ưu.

13.21. Tư duy thiết kế Mã môn học: 005192 TC: 2 TC

Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về tư duy thiết kế ứng dụng trong kinh doanh và thực tế cuộc sống, đồng thời rèn luyện kỹ năng giải quyết vấn đề một cách sáng tạo và hiệu quả. Người học sẽ được tiếp cận cách áp dụng các phương pháp tư duy thiết kế vào nhiều tình huống khác nhau. Bên cạnh đó, học phần còn tập trung phát triển tư duy linh hoạt và khả năng sáng tạo, giúp khơi nguồn cảm hứng cho người học trong việc hình thành các ý tưởng sản phẩm, dịch vụ và khởi nghiệp thiết thực, đồng thời tạo ra các giá trị cho cộng đồng. Học phần đóng vai trò nền tảng trong chương trình đào tạo, giúp người học phát triển năng lực tổng hợp và hình thành ý tưởng. Qua đó, người học được chuẩn bị để thích nghi nhanh chóng với sự phát triển mạnh mẽ của khoa học và công nghệ, đáp ứng tốt yêu cầu của xã hội hiện đại.

13.22 Tiếng Anh chuyên ngành kế toán Mã môn học: 003212 TC: 3TC

Học phần Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán giới thiệu những thuật ngữ và khái niệm cơ bản về kế toán, kiểm toán bằng tiếng Anh. Học phần sẽ giúp sinh viên có khả năng hiểu và vận dụng được tiếng Anh chuyên ngành để phục vụ cho việc đọc hiểu các tài liệu, bài báo chuyên

ngành, tìm kiếm thông tin liên quan phục vụ cho việc học chuyên ngành. Bên cạnh đó, các kỹ năng trong giao tiếp kinh doanh thông thường như thuyết trình, phỏng vấn, miêu tả biểu đồ hay viết báo cáo cũng được chú trọng nâng cao cho sinh viên.

13.23. Kế toán tài chính, Mã môn học: 005513 , 4 TC

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kế toán tài chính trong doanh nghiệp, giúp người học hiểu kế toán là quá trình thu thập, xử lý, phân tích và cung cấp thông tin kinh tế – tài chính của đơn vị dựa trên các nguyên tắc nhất định. Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên có thể vận dụng nguyên tắc kế toán để hạch toán các phần hành kế toán chủ yếu như: kế toán các yếu tố đầu vào; kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm; kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh. Đồng thời, sinh viên có khả năng đọc – hiểu báo cáo tài chính, qua đó kết nối kiến thức với các môn học khác và nâng cao năng lực ứng dụng trong thực tiễn doanh nghiệp.

13.24 Kế toán tài chính theo chuẩn mực quốc tế IFRSs (Financial Accounting 1 – ACCA); Mã môn học: 004686 ; 4 TC

Đây là một học phần tích hợp trong CTĐT theo định hướng chứng chỉ nghề nghiệp quốc tế ACCA do Hội kế toán công chứng Anh cấp (môn K1- Financial Accounting). Học phần giới thiệu cho sinh viên những nền tảng cơ bản về khung khái niệm và khuôn khổ pháp lý có liên quan đến việc lập báo cáo tài chính cũng như các đặc điểm định tính thông tin tài chính hữu ích. Ngoài ra, học phần giới thiệu và nghiên cứu chuyên sâu nguyên tắc ghi sổ kép bao gồm quy trình ghi nhận, xử lý và báo cáo các giao dịch, sự kiện kinh tế của doanh nghiệp. Học phần trong chương trình này được xem là cầu nối để sinh viên có thể theo đuổi chứng nhận Higher Diploma in Accounting and Business của ACCA, và các chứng chỉ nghề nghiệp Việt Nam và quốc tế khác.

13.25. Kế toán quản trị và chi phí Mã môn học: 001051, 2 TC

Học phần Kế toán quản trị và chi phí trang bị cho người học các kỹ năng giải quyết các vấn đề về mặt kỹ thuật của kế toán quản trị từ đó giúp cho người học nắm chắc các nội dung liên quan đến trình bày và đọc hiểu các thông tin trong các báo cáo kế toán quản trị. Học phần còn trang bị cho người học trình tự xử lý, phân tích các thông tin kế toán quản trị đã cung cấp một cách hiệu quả, giúp đưa ra các quyết định phục vụ cho việc hoạch định, tổ chức điều hành, kiểm soát và ra quyết định của nhà quản lý.

13.26. Kiểm toán căn bản

Mã môn học: 001137

TC: 3 TC

Học phần Kiểm toán căn bản là học phần ngành bắt buộc đối với ngành Kiểm toán, cung cấp kiến thức cơ bản về Kiểm toán. Học phần trang bị những kiến thức cơ bản của kiểm toán, phương pháp chung của kiểm toán và chuẩn mực kiểm toán để giúp người học có được cơ sở đánh giá, sử dụng chuẩn mực nghề nghiệp, có kỹ năng phân tích, đánh giá rủi ro, rèn tư duy thận trọng, thái độ hoài nghi nghề nghiệp trong hoạt động kiểm toán.

13.27. Tin học ứng dụng và hệ thống thông tin kế toán

Mã môn học: 004869

TC: 4TC

Học phần Tin học ứng dụng và hệ thống thông tin kế toán nhằm cung cấp những kiến thức cơ bản cũng như nâng cao về Excel và ứng dụng của excel trong lĩnh vực kinh tế quản lý, về thông tin kế toán, hệ thống thông tin kế toán, công tác thiết kế, tổ chức dòng thông tin kế toán được xử lý trong điều kiện thủ công và trên máy vi tính. Không những vậy, học phần này còn trang bị những kiến thức giúp sinh viên biết cách xử lý số liệu đầu vào để ghi sổ, lập báo cáo kế toán trên Excel và trên phần mềm kế toán Misa; nắm bắt nguyên lý để xử lý số liệu đầu vào, phân loại và tra cứu thông tin kế toán trên Excel và phần mềm kế toán Misa, làm cơ sở cho công việc thực tế sau này.

13.28. Phân tích kinh doanh

Mã môn học: 004695

TC: 3TC

Học phần Phân tích kinh doanh được thiết kế nhằm cung cấp kiến thức cơ bản và toàn diện các lý thuyết và kỹ thuật sử dụng trong phân tích kinh doanh. Học phần đề cập các chủ đề

kiến thức quan trọng để thành công trong môi trường kinh doanh hiện đại, bao gồm các vấn đề cơ bản trong phân tích kinh doanh, phân tích và lập chiến lược kinh doanh, phân tích hoạt động tài chính, kế toán trong doanh nghiệp và kinh doanh trực tuyến. Sau khi kết thúc môn học, sinh viên có thể học được cách nhận diện vấn đề kinh doanh, thu thập thông tin và phân tích các yêu cầu, xây dựng các giải pháp đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp. Ngoài ra, môn học cũng tập trung vào các bài tập thực tế và trường hợp nghiên cứu thực tế để giúp sinh viên phát triển kỹ năng và áp dụng kiến thức vào thực tế. Môn học cũng đề cập đến các công cụ phần mềm phân tích để đánh giá hiệu quả kinh doanh. Sau khi hoàn thành học phần và nắm vững kiến thức, sinh viên có thể áp dụng được vào các phần việc tại các bộ phận liên quan tới phân tích kinh doanh hay tài chính trong doanh nghiệp.

13.29. Thuế và thực hành

Mã môn học: 004868

TC: 4TC

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản trên góc độ lý thuyết về các sắc thuế lớn trong hệ thống thuế Việt Nam (thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất nhập khẩu, thuế nhà thầu); các quy định về kê khai và quyết toán thuế. Bên cạnh đó, học phần hướng dẫn sinh viên làm quen với phần mềm hỗ trợ kê khai, quyết toán thuế. Sinh viên trực tiếp thực hành kê khai các loại thuế như thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân, thuế nhà thầu trên máy tính cá nhân của mình. Học phần giúp sinh viên hiểu và vận dụng được những kiến thức và kinh nghiệm về Thuế trong doanh nghiệp nhằm hoạch định thuế trong đầu tư và kinh doanh.

13.30. Tổ chức và thực hành kế toán trong doanh nghiệp

Mã môn học: 004870

TC: 4TC

Học phần cung cấp cho sinh viên quy trình tổ chức bộ máy kế toán, tổ chức công tác kế toán theo các giai đoạn: chứng từ kế toán, tài khoản kế toán, hệ thống sổ kế toán (sổ kế toán chi tiết, sổ kế toán tổng hợp), báo cáo kế toán. Giúp sinh viên có khả năng tự tổ chức công tác kế toán được tất cả các phần hành kế toán, phân công công việc trong bộ máy kế toán theo các hình thức ghi sổ (nhật ký chung, chứng từ ghi sổ...) lập báo cáo báo cáo tài chính, thực hành kê khai quyết toán thuế TNDN trên phần mềm HTKKT ở các loại hình doanh nghiệp khác nhau. Sinh viên hiểu được trách nhiệm, những công việc của từng thành viên trong bộ máy kế toán từ đó nâng cao ý thức học hỏi, tự chịu trách nhiệm của bản thân sinh viên. Hình thành khả năng làm việc chủ động, độc lập, tự định hướng hoạt động chuyên môn; đủ năng lực tự chịu trách nhiệm với kết quả công việc trong công tác kế toán.

13.31. Tài chính doanh nghiệp

Mã môn học: 002338

TC: 3TC

Học phần Tài chính doanh nghiệp trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tài chính doanh nghiệp để có thể vận dụng nhằm giải quyết các vấn đề tài chính doanh nghiệp như nội dung – vai trò – các mối quan hệ của tài chính doanh nghiệp; quản lý doanh thu – chi phí – lợi nhuận; công tác huy động vốn, sử dụng vốn và quản trị vốn của doanh nghiệp như nào có hiệu quả cao nhất; hiểu rõ hơn về các nguồn vốn được sử dụng trong doanh nghiệp như nguồn vốn ngắn hạn, nguồn vốn dài hạn. Bên cạnh đó, môn học cung cấp các kiến thức về chính sách phân phối lợi nhuận như chính sách ổn định cổ tức và chính sách thặng dư cổ tức để phân phối cổ tức để mang lại hiệu quả cao nhất cho công ty.

13.32. Lập, trình bày và phân tích báo cáo tài chính

Mã môn học: 004692

TC: 2TC

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng cơ bản về lập, đọc, trình bày báo cáo tài chính, từ đó phân tích báo cáo tài chính trong doanh nghiệp, tổ chức nhằm cung cấp những thông tin cần thiết giúp các đối tượng sử dụng thông tin đánh giá khách quan về sức mạnh tài chính của doanh nghiệp, khả năng sinh lời và triển vọng phát triển sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Ngoài ra, môn học cũng tập trung vào các bài tập thực tế và trường hợp nghiên cứu thực tế để giúp sinh viên phát triển kỹ năng và áp dụng kiến thức vào thực tế. Sau khi kết thúc môn học, sinh viên có thể học được cách lập, đọc báo cáo tài chính và phân tích, đánh giá được tình hình tài chính cũng như dự báo được tài chính doanh nghiệp.

13.33. Đề án môn học ngành Kế toán – Kiểm toán

Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ năng nghiên cứu khoa học cơ bản về nội dung thuộc lĩnh vực kế toán của ngành kế toán, giúp sinh viên nhận thức sâu sắc hơn về nội dung công tác hạch toán kế toán tài chính trong doanh nghiệp; nắm bắt được thực tế trong chuyên ngành kế toán, sinh viên có thể thực hiện tại một đơn vị cụ thể hoặc trong một dự án triển khai cụ thể trong chuyên ngành Kế toán. Dưới sự hướng dẫn của giảng viên, sinh viên phải chọn một chủ đề thuộc lĩnh vực kế toán tài chính và kiểm toán, từ đó hình thành cách giải quyết chủ đề đó một cách khoa học, biết tổng hợp những vấn đề lý luận đã học theo chủ đề cụ thể đồng thời biết phân tích và đưa ra những quan điểm riêng về vấn đề đã lựa chọn. Giảng viên có trách nhiệm hỗ trợ về mặt chuyên môn và giám sát quá trình nghiên cứu và viết Đề án.

13.34. Enterprise & Entrepreneurship, ACCA (Tư duy doanh nghiệp và khởi nghiệp)
Mã môn học: 005514 TC: 3TC

Học phần Tư duy doanh nghiệp và khởi nghiệp thuộc khối kiến thức ngành trong chương trình đào tạo, cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng về doanh nghiệp, mục đích của các hoạt động kinh doanh và các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình vận hành kinh doanh. Từ đó, học phần giúp sinh viên có năng lực đổi mới, khởi nghiệp và tổ chức quản lý các hoạt động trong công việc kế toán – kiểm toán. Học phần này được thiết kế tích hợp theo chuẩn mực đào tạo quốc tế ACCA nhằm đáp ứng các yêu cầu về năng lực hành nghề quốc tế và Khung trình độ quốc gia Việt Nam (VQF).

13.35. Decision making with data, ACCA (Ra quyết định dựa trên dữ liệu)

Mã môn học: 005515 TC: 3TC

Học phần Ra quyết định dựa trên dữ liệu thuộc khối kiến thức ngành trong chương trình đào tạo, cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng về các kỹ thuật phân tích dữ liệu và phương pháp ra quyết định, phục vụ việc hỗ trợ các quyết định quản lý và tổ chức trong nhiều bối cảnh kinh doanh khác nhau. Từ đó, học phần giúp sinh viên có kỹ năng tổ chức, phân tích và đưa ra các biện pháp xử lý khác nhau trong lĩnh vực kế toán – kiểm toán. Học phần này được thiết kế tích hợp theo chuẩn mực đào tạo quốc tế ACCA nhằm đáp ứng các yêu cầu về năng lực hành nghề quốc tế và Khung trình độ quốc gia Việt Nam (VQF).

13.36. Responsible Business Management, ACCA (Quản lý kinh doanh có trách nhiệm)
Mã môn học: 005516 TC: 3TC

Học phần Quản lý kinh doanh có trách nhiệm thuộc khối kiến thức ngành trong chương trình đào tạo, cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng về đạo đức kinh doanh và đạo đức nghề nghiệp, các phương thức quản trị công ty hiện đại, vai trò của kiểm toán trong việc cung cấp dịch vụ đảm bảo, cũng như trách nhiệm của doanh nghiệp trong việc cân bằng giữa mục tiêu lợi nhuận với lợi ích của xã hội và môi trường. Từ đó, học phần giúp sinh viên có năng lực đổi mới, khởi nghiệp và tổ chức quản lý các hoạt động trong công việc kế toán – kiểm toán. Học phần này được thiết kế tích hợp theo chuẩn mực đào tạo quốc tế ACCA nhằm đáp ứng các yêu cầu về năng lực hành nghề quốc tế và Khung trình độ quốc gia Việt Nam (VQF).

13.37. Business Law, ACCA (Luật kinh doanh ACCA)
Mã môn học: 005518 TC: 3TC

Đây là học phần thuộc khối kiến thức ngành giới thiệu tổng quan về hệ thống pháp luật của Việt Nam, pháp luật về nghĩa vụ, bao gồm hợp đồng và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng (tort), vốn là nền tảng cho các hoạt động khởi nghiệp và giao dịch kinh doanh nói chung, pháp luật liên quan đến lao động và pháp luật về doanh nghiệp bao gồm việc thành lập và điều lệ công ty, huy động vốn và các loại hình vốn, công tác quản lý điều hành hàng ngày, cũng như việc quản trị và quy định đối với doanh nghiệp. Học phần được thiết kế nhằm đáp ứng các yêu cầu về năng lực hành nghề quốc tế và Khung trình độ quốc gia Việt Nam (VQF).

13.38. Kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro trong tổ chức Mã môn học: 004687 TC: 3

Học phần Kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro là học phần chuyên ngành của ngành Kiểm toán và chuyên ngành Kế toán và kiểm soát. Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về kiểm soát nội bộ trong doanh nghiệp gồm khung kiểm soát nội bộ theo COSO, những vấn đề gian lận trong tổ chức và nghiên cứu về gian lận. Kiểm soát những chu trình kinh doanh chủ yếu trong doanh nghiệp được mô tả chi tiết, giúp người học hiểu về chu trình và quy trình, thủ tục kiểm soát. Đồng thời, học phần trang bị về nhận thức rủi ro một cách hệ thống, cách thức quản trị rủi ro cũng như mối liên hệ giữa quản trị rủi ro và kiểm soát nội bộ trong tổ chức. Học phần cung cấp có kỹ năng phát hiện các gian lận, nhận diện rủi ro trong các chu trình kinh doanh chủ yếu và đưa ra các biện pháp xử lý, giảm thiểu rủi ro trong doanh nghiệp. Từ đó, giúp người học có được tính độc lập, tự chủ và chịu trách nhiệm và tinh thần tích cực, định hướng mục tiêu trong việc thực hiện các công việc được giao trong tổ chức.

13.39. Kiểm soát quản lý Mã môn học: 004864 TC: 3TC

Học phần Kiểm soát quản lý là học phần chuyên ngành của ngành Kiểm toán và học phần chuyên ngành tự chọn của ngành Kế toán. Học phần trang bị cho người học tổng quan về kiểm soát quản lý, những nội dung của kiểm soát trong chu trình quản lý của tổ chức. Học phần định hướng người học đến kiểm soát kết quả tài chính và hệ thống đánh giá, kiểm soát nội bộ và những vấn đề liên quan đến doanh nghiệp. Các vấn đề quản trị doanh nghiệp được gắn với vai trò kiểm soát và cách thức đo lường, đánh giá được cung cấp tổng quan trong nội dung học phần. Từ đó, giúp người học có được tính độc lập, tự chủ và chịu trách nhiệm và tinh thần tích cực, định hướng mục tiêu trong việc thực hiện các công việc được giao trong tổ chức.

13.40. Quản lý nhân lực Mã môn học: 002176 TC: 3TC

Môn học cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về bản chất, chức năng, thách thức và các hoạt động của quản lý nguồn nhân lực ví dụ như hoạch định nguồn nhân lực trong doanh nghiệp, tuyển dụng và lựa chọn nhân lực quan hệ lao động và cách quản lý xung đột trong tổ chức... Người học có thể lên kế hoạch nguồn nhân lực, xây dựng thiết kế hệ thống thông tin nguồn nhân lực, ứng dụng của hệ thống thông tin nguồn nhân lực trong quản lý nguồn nhân lực.

13.41. Tài chính cá nhân ứng dụng Mã môn học: 004698 TC: 3TC

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản và có hệ thống về Tài chính cá nhân như tầm quan trọng của hoạch định TCCN, các công cụ hoạch định TCCN, nhận ra tình hình tài chính của bản thân và quản lý được dòng tiền thu, chi, quản lý nợ một cách hợp lý. Môn học cung cấp các kỹ năng cần thiết để cá nhân đưa ra các quyết định đầu tư trong ngắn hạn và dài hạn, hiểu và kiểm soát rủi ro, đảm bảo an toàn, tự do tài chính trong tương lai.

13.42. Responsible Business Management, ACCA (Quản lý kinh doanh có trách nhiệm) Mã môn học: 005516 TC: 3TC

Học phần Quản lý kinh doanh có trách nhiệm thuộc khối kiến thức ngành trong chương trình đào tạo, cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng về đạo đức kinh doanh và đạo đức nghề nghiệp, các phương thức quản trị công ty hiện đại, vai trò của kiểm toán trong việc cung cấp dịch vụ đảm bảo, cũng như trách nhiệm của doanh nghiệp trong việc cân bằng giữa mục tiêu lợi nhuận với lợi ích của xã hội và môi trường. Từ đó, học phần giúp sinh viên có năng lực đổi mới, khởi nghiệp và tổ chức quản lý các hoạt động trong công việc kế toán – kiểm toán.. Học phần này được thiết kế tích hợp theo chuẩn mực đào tạo quốc tế ACCA nhằm đáp ứng các yêu cầu về năng lực hành nghề quốc tế và Khung trình độ quốc gia Việt Nam (VQF).

13.43. Management accounting 1, ACCA (Kế toán quản trị 1 theo định hướng ACCA) Mã môn học: 005517 TC: 3 TC

Học phần Kế toán quản trị 1 theo định hướng ACCA thuộc khối kiến thức ngành trong chương trình đào tạo, cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng về bản chất và mục đích của thông tin quản trị; các kỹ thuật thống kê phân tích dữ liệu; cùng kế toán chi phí và các kỹ thuật tính chi phí thiết yếu trong doanh

nghiệp. Học phần này được thiết kế tích hợp theo chuẩn mực đào tạo quốc tế ACCA nhằm đáp ứng các yêu cầu về năng lực hành nghề quốc tế và Khung trình độ quốc gia Việt Nam (VQF).

13.44. Financial reporting, ACCA (Kế toán tài chính nâng cao) Mã môn học: 005521 TC: 4TC

Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo. Học phần này được xây dựng trên nền tảng kiến thức đã tích lũy từ học phần Kế toán tài chính theo chuẩn mực quốc tế IFRS (Mã học phần: 004686) và Kế toán tài chính định hướng ACCA (Mã học phần: 005519), phát triển và vận dụng các kiến thức này ở mức độ chuyên sâu hơn liên quan đến Khung khái niệm và khuôn khổ pháp lý về kế toán liên quan đến lập và trình bày lập báo cáo tài chính; vận dụng một số chuẩn mực kế toán quốc tế IAS, chuẩn mực lập báo cáo tài chính quốc tế IFRS liên quan đến tài sản vô hình, tài sản hữu hình, suy giảm giá trị tài sản, hàng tồn kho, tài sản sinh học, các khoản dự phòng, doanh thu, trợ cấp của chính phủ, các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán; từ đó lập và trình bày báo cáo tài chính riêng, báo cáo tài chính hợp nhất cho doanh nghiệp ở mức độ cơ bản; kỹ năng phân tích và đánh giá thông tin từ báo cáo tài chính, bao gồm cả các thông tin tài chính và phi tài chính. Học phần này được thiết kế tích hợp theo chuẩn mực đào tạo quốc tế ACCA nhằm đáp ứng các yêu cầu về năng lực hành nghề quốc tế và khung trình độ quốc gia Việt Nam (VQF).

13.45. Assurance and Risks, ACCA (Dịch vụ đảm bảo và rủi ro) Mã môn học: 005522 TC: 3TC

Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo. Học phần cung cấp kiến thức nền tảng về bản chất, mục đích và phạm vi của dịch vụ kiểm toán và các dịch vụ đảm bảo khác, các nguyên tắc quản trị công ty theo thông lệ quốc tế; quy trình lập kế hoạch kiểm toán và đánh giá rủi ro; kiểm soát nội bộ, vai trò và chức năng của kiểm toán nội bộ; thu thập, đánh giá bằng chứng kiểm toán; và soát xét, lập báo cáo kiểm toán trong hoạt động kiểm toán độc lập. Học phần này được thiết kế tích hợp theo chuẩn mực đào tạo quốc tế ACCA nhằm đáp ứng các yêu cầu về năng lực hành nghề quốc tế và khung trình độ quốc gia Việt Nam (VQF).

13.46. Kiến tập hệ kế toán Mã môn học: 004738 TC: 2TC

Kiến tập hệ về Kế toán là học phần tự chọn, thuộc chuyên ngành kế toán Doanh nghiệp, áp dụng đối với các em sinh viên năm thứ 3 hệ đào tạo cử nhân kế toán. Học phần giúp sinh viên hòa nhập, hiểu rõ các hoạt động, nghiệp vụ trong các doanh nghiệp có liên quan đến công tác Kế toán. Giúp sinh viên ứng dụng các kiến thức, kỹ năng được học vào quá trình làm công tác kế toán tại doanh nghiệp.

13.47. Thực tập tốt nghiệp Mã môn học: 004573 TC: 4TC

Sinh viên được đi thực tập, tìm hiểu công việc thực tế tại đơn vị cụ thể. Mỗi sinh viên sẽ có 01 giảng viên hướng dẫn tại trường. Giảng viên hướng dẫn là người hướng dẫn và giám sát sinh viên trong việc chấp hành các quy định của nhà trường về thực tập cũng như tính chất khoa học của báo cáo thực tập tốt nghiệp. Giảng viên hướng dẫn chấp thuận báo cáo, phê duyệt đề cương và giải thích cho sinh viên về các thắc mắc dưới góc độ học thuật, đánh giá báo cáo và kết quả thực tập của sinh viên theo các tiêu chuẩn chung của nhà trường. Kỳ thực tập kéo dài 8 tuần. Cuối thời gian thực tập, sinh viên phải viết báo cáo về quá trình thực tập của mình.

13.48. Khóa luận tốt nghiệp Mã môn học: 004592 TC: 7TC

Học phần Khóa luận tốt nghiệp của ngành Kế toán nhằm trang bị cho sinh viên kỹ năng tìm kiếm và tổng hợp tài liệu trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán. Dưới sự hướng dẫn của giảng viên, sinh viên phải chọn một chủ đề thuộc lĩnh vực kế toán, kiểm toán, từ đó hình thành cách giải quyết chủ đề một cách khoa học, biết tổng hợp những vấn đề lý luận đã học theo chủ đề cụ thể. Đồng thời biết phân tích và đưa ra những quan điểm riêng về vấn đề đã lựa chọn trong thời

gian thực tập tốt nghiệp. Giảng viên có trách nhiệm hỗ trợ về mặt chuyên môn và giám sát quá trình nghiên cứu và viết khóa luận.

13.49. Giáo dục thể chất Mã môn học: 000801,000808,000813,000816 TC: 4TC

Thực hiện theo Quyết định số 1547/QĐ-ĐHĐL ngày 04/9/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Điện lực về Chương trình môn học giáo dục thể chất dùng cho hệ đại học. Chương trình cung cấp kiến thức, kỹ năng vận động cơ bản, hình thành thói quen luyện tập thể dục, thể thao để nâng cao sức khỏe, phát triển thể lực, tầm vóc, hoàn thiện nhân cách, nâng cao khả năng học tập, kỹ năng hoạt động xã hội cho sinh viên với tinh thần, thái độ tự giác, tích cực. Giúp người học nhận thức tầm quan trọng của việc rèn luyện thân thể và phát triển thể chất cho bản thân. Biết được một số nội dung cơ bản về lý luận và phương pháp thể dục thể thao, y học thể thao, sinh lý học vận động, kiến thức về phương pháp tập luyện, rèn luyện thể chất một số môn thể thao cơ bản.

13.50. Giáo dục quốc phòng

Mã môn học: 004342, 004343, 004344, 004345

TC: 11TC

Thực hiện theo Thông tư số 05/2020/TT-BGDĐT ngày 18/3/2020 của Bộ GD&ĐT về Chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học. Chương trình cung cấp những kiến thức cơ bản về quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về quốc phòng và an ninh; xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân; bổ sung kiến thức về phòng thủ dân sự và kỹ năng quân sự; sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an bảo vệ Tổ quốc. Nắm được kiến thức cơ bản về công tác quốc phòng và an ninh trong tình hình mới. Bước đầu làm quen với tác phong, nề nếp, các chế độ sinh hoạt, học tập trong môi trường quân đội, có ý thức tổ chức kỷ luật trong sinh hoạt tập thể, cộng đồng ở trường, lớp.

14. Điều kiện thực hiện chương trình đào tạo

14.1. Đội ngũ giảng viên tham gia giảng dạy và nhân lực hỗ trợ chương trình đào tạo

Khoa Kế toán – Tài chính có tổng số 30 cán bộ, giảng viên và chuyên gia, trong đó có 03 Phó giáo sư (10%) và 11 Tiến sĩ (tỷ lệ 37%), 16 thạc sĩ (53%).

Bảng 01: Đội ngũ giảng viên cơ hữu chịu trách nhiệm chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo có chuyên môn phù hợp để chủ trì giảng dạy chương trình

Số TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, CSGD, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng cao nhất	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp		Ghi chú
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1	Nguyễn Tô Tâm, 08/12/1978	025178000144, Việt Nam	Phó giáo sư, 2024	Tiến sĩ, Việt Nam, 2014	Kinh tế/ Kế toán – Kiểm toán	01/11/2008	x	HC 0103020232	23	2	2	
2	Phùng Thị Đoan, 15/10/1950	0104180009, Việt Nam		Tiến sĩ, Nga, 1988	Kinh tế/ Kế toán	01/12/2017	x		27			
3	Lê Quỳnh Anh	030190008700, Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam 2023	Quản trị kinh doanh	1/4/2013	x		13			
4	Nguyễn Ngọc Hiền	035185006893, Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2023	Kế toán	2/1/2011	x	0108044433	16			
5	Nguyễn Thị Kim Chi	034179010320, Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2023	Kế toán	1/1/2011	x	0104055796	16			

14.2. Đội ngũ giảng viên, nhà khoa học tham gia giảng dạy các học phần trong chương trình đào tạo

Bảng 02: Đội ngũ giảng viên, nhà khoa học tham gia giảng dạy các học phần trong chương trình đào tạo

Số TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Mã học phần	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ		Giảng viên tham gia giảng dạy CTĐT
					Bắt buộc	Tự chọn	
1	2	3	4	5	6	7	8
1	Trần Thị Lâm	Triết học Mác Lênin	003923	HK1, năm 1	x		Giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy CTĐT
		Chủ nghĩa Xã hội khoa học	003926	HK1, năm 2	x		
2	Đoàn Nam Chung	Kinh tế Chính trị Mác Lênin	003925	HK2, năm 1	x		Giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy CTĐT
		Tư tưởng Hồ Chí Minh	003505	HK2, năm 2	x		
3	Lê Thị Hồng Hạnh	Chủ nghĩa Xã hội khoa học	003926	HK1, năm 2	x		Giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy CTĐT
4	Đoàn Thị Lệ Huyền	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	003928	HK1, năm 3	x		Giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy CTĐT
5	Lê Thị Bích Hằng	Tiếng Anh 1	003137	HK1, năm 1	x		Giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy CTĐT
6	Nguyễn Thị Nguyệt Minh	Tiếng Anh 2	004549	HK2, năm 1	x		Giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy CTĐT
7	Trần Thanh Hoài	Giáo dục thể chất	00801	HK2, năm 1	x		Giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy CTĐT
8	Hoàng Thị Thùy Trang	Giáo dục thể chất	00801	HK2, năm 1	x		Giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy CTĐT
9	Cao Mạnh Cường	Giáo dục quốc phòng	00785	HK2, năm 1	x		Giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy CTĐT
10	Bùi Châu Giang	Giáo dục quốc phòng	00785	HK2, năm 1	x		Giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy CTĐT
11	Trần Văn Thắng	Toán cao cấp 2	004546	HK1, năm 1	x		Giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy CTĐT
12	Nguyễn Minh Khoa	Toán cao cấp 2	004546	HK1, năm 1	x		Giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy CTĐT
13	Nguyễn Như Quân	Xác suất thống kê	003657	HK1, năm 1	x		Giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy CTĐT

Số TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Mã học phần	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ		Giảng viên tham gia giảng dạy CTĐT
					Bắt buộc	Tự chọn	
14	Trần Văn Hải	Ứng dụng CNTT cơ bản	004547	HK1, năm 1	x		Giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy CTĐT
15	Ngô Thị Tuyết Thanh	Pháp luật đại cương	002018	HK1, năm 1	x		Giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy CTĐT
16	Nguyễn Thế Mừng	Luật kinh tế	001506	HK1, năm 2	x		Giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy CTĐT
17	Mai Đức Thuận	Năng lượng cho phát triển bền vững	004552	HK2, năm 1	x		Giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy CTĐT
18	Nguyễn Tố Tâm	Dịch vụ đảm bảo và rủi ro (Assurance and Risks, ACCA)	005522	HK1, năm 4	x		Giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy CTĐT
		Kiểm toán căn bản	001137	HK1, năm 3	x		
		Kiểm soát quản lý	004864	HK1, năm 4		x	
19	Trần Xuân Giao	Tư duy doanh nghiệp và khởi nghiệp (Enterprise & Entrepreneurship, ACCA)	005514	HK1, năm 2	x		Giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy CTĐT
		Tin học ứng dụng và hệ thống thông tin kế toán	004869	HK1, năm 3	x		
20	Cao Thị Phương Thủy	Kinh tế học quản lý	005218	HK1, năm 1	x		Giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy CTĐT
21	Trương Thị Thu Hường	Quản lý nhân lực	002176	HK1, năm 4		x	Giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy CTĐT
		Kinh tế học quản lý	005218	HK1, năm 1	x		
22	Nguyễn Hồng Nhung	Tài chính-tiền tệ	002354	HK2, năm 1	x		Giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy CTĐT
		Tài chính doanh nghiệp	002338	HK1, năm 4	x		
23	Nguyễn Ngọc Thía	Phương pháp tối ưu trong kinh tế	004723	HK1, năm 2		x	Giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy CTĐT
		Thống kê ứng dụng trong kinh doanh	004557	HK1, năm 2	x		
24	Dương Văn Hùng	Thống kê ứng dụng trong kinh doanh	004557	HK1, năm 2	x		Giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy CTĐT
		Phương pháp tối ưu trong kinh tế	004723	HK1, năm 2		x	
25	Đinh Thị Lan	Kế toán tài chính	005513	HK2, năm 2	x		Giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy CTĐT
		Tổ chức và thực hành kế toán trong doanh nghiệp	004870	HK2, năm 3	x		
		Đề án môn học ngành Kế toán - Kiểm toán	004681	HK2, năm 2	x		

Số TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Mã học phần	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ		Giảng viên tham gia giảng dạy CTĐT
					Bắt buộc	Tự chọn	
26	Phạm Quốc Huân	Quản lý tài chính	002208	HK2, năm 2	x		Giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy CTĐT
27	Ngô Thành Nam	Tin học ứng dụng và hệ thống thông tin kế toán	004869	HK1, năm 3	x		Giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy CTĐT
		Tư duy doanh nghiệp và khởi nghiệp (Enterprise & Entrepreneurship, ACCA)	005514	HK1, năm 2	x		
		Kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro trong tổ chức	004687	HK1, năm 4		x	
28	Nguyễn Ngọc Hiền	Kế toán tài chính	005513	HK2, năm 2	x		Giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy CTĐT
		Khoá luận tốt nghiệp	004592	HK2, năm 4	x		
		Thực tập tốt nghiệp	004574	HK2, năm 4	x		
29	Nguyễn Thị Kiều Trang	Kế toán quản trị 2 theo định hướng ACCA (Management accounting 2, ACCA)	005520	HK2, năm 3	x		Giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy CTĐT
		Kế toán tài chính theo định hướng ACCA (Financial Accounting, ACCA)	005519	HK1, năm 3	x		
		Ra quyết định dựa trên dữ liệu (Decision making with data, ACCA)	005515	HK1, năm 3	x		
		Quản lý kinh doanh có trách nhiệm (Responsible Business Management, ACCA)	005516	HK1, năm 4	x		
		Kế toán quản trị 1 theo định hướng ACCA (Management accounting 1, ACCA)	005517	HK2, năm 3	x		
30	Bùi Nhất Giang	Quản lý kinh doanh có trách nhiệm (Responsible Business Management, ACCA)	005516	HK1, năm 4	x		Giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy CTĐT
		Phân tích kinh doanh	004695	HK1, năm 4	x		
		Kiểm toán căn bản	001137	HK1, năm 3	x		
31	Đinh Thị Minh Tâm	Quản lý tài chính	002208	HK2, năm 2	x		Giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy CTĐT
		Tư duy thiết kế	005192	HK1, năm 2		x	

Số TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Mã học phần	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ		Giảng viên tham gia giảng dạy CTĐT
					Bắt buộc	Tự chọn	
		Tài chính-tiền tệ	002354	HK2, năm 1	x		
32	Nguyễn Quỳnh Anh	Phân tích kinh doanh	004695	HK1, năm 4	x		Giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy CTĐT
		Tài chính doanh nghiệp	002338	HK1, năm 4	x		
		Tư duy thiết kế	005192	HK1, năm 2		x	
		Tài chính cá nhân ứng dụng	004698	HK 1, năm 4		x	
33	Nguyễn Đức Quang	Kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro trong tổ chức	004687	HK1, năm 4		x	Giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy CTĐT
		Kiểm soát quản lý	004864	HK1, năm 4		x	
		Thực tập tốt nghiệp	004574	HK2, năm 4	x		
34	Lê Quỳnh Anh	Kế toán tài chính	005513	HK2, năm 2	x		Giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy CTĐT
		Kế toán tài chính nâng cao (Financial reporting, ACCA)	005521	HK2, năm 3	x		
		Kế toán tài chính theo định hướng ACCA (Financial Accounting, ACCA)	005519	HK1, năm 3	x		
		Tiếng Anh chuyên ngành kế toán	003212	HK1, năm 2	x		
35	Ngô Thị Thúy Ngân	Kế toán tài chính theo chuẩn mực quốc tế IFRSs (Financial Accounting 1 - ACCA)	004686	HK2, năm 2	x		Giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy CTĐT
		Tiếng Anh chuyên ngành kế toán	003212	HK1, năm 2	x		
		Kế toán tài chính theo định hướng ACCA (Financial Accounting, ACCA)	005519	HK1, năm 3	x		
36	Lê Thị Mai Hương	Tài chính cá nhân ứng dụng	004698	HK 1, năm 4		x	Giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy CTĐT
37	Nguyễn Thị Vân Anh	Quản lý nhân lực	002176	HK1, năm 4		x	Giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy CTĐT
38	Nguyễn Thị Kim Chi	Thuế và thực hành	004868	HK2, năm 3	x		Giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy CTĐT
		Kế toán quản trị 1 theo định hướng ACCA (Management accounting, ACCA)	005517	HK2, năm 3	x		
		Kế toán quản trị 2 theo định hướng ACCA (Management accounting 2, ACCA)	005520	HK2, năm 3	x		

Số TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Mã học phần	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ		Giảng viên tham gia giảng dạy CTĐT
					Bắt buộc	Tự chọn	
39	Vũ Thị Hương	Kế toán tài chính nâng cao (Financial reporting, ACCA)	005521	HK2, năm 3	x		Giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy CTĐT
		Lập, trình bày và phân tích báo cáo tài chính	004692	HK1, năm 4	x		
		Khoá luận tốt nghiệp	004592	HK2, năm 4	x		
40	Ngô Thị Hiên	Nguyên lý kế toán	001838	HK1, năm 2	x		Giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy CTĐT
		Kế toán quản trị và chi phí	001051	HK2, năm 2	x		
41	Trần Thu Huyền	Thuế và thực hành	004868	HK2, năm 3	x		Giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy CTĐT
		Tổ chức và thực hành kế toán trong doanh nghiệp	004870	HK2, năm 3	x		
		Khoá luận tốt nghiệp	004592	HK2, năm 4	x		
42	Bùi Thị Tuyết	Lập, trình bày và phân tích báo cáo tài chính	004692	HK1, năm 4	x		Giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy CTĐT
		Kế toán quản trị và chi phí	001051	HK2, năm 2	x		
43	Trần Thu Hương	Nguyên lý kế toán	001838	HK1, năm 2	x		Giảng viên tập sự tham gia giảng dạy CTĐT
		Đề án môn học ngành Kế toán - Kiểm toán	004681	HK2, năm 2	x		
44	Dương Thị Phương Hoa	Kế toán tài chính theo chuẩn mực quốc tế IFRSs (Financial Accounting 1 - ACCA)	004686	HK2, năm 2	x		Giảng viên tập sự tham gia giảng dạy CTĐT
		Thực tập tốt nghiệp	004574	HK2, năm 4	x		
45	Nguyễn Tiến Anh	Dịch vụ đảm bảo và rủi ro (Assurance and Risks, ACCA)	005522	HK1, năm 4	x		Giảng viên tập sự tham gia giảng dạy CTĐT
		Ra quyết định dựa trên dữ liệu (Decision making with data, ACCA)	005515	HK1, năm 3	x		

Bảng 03: Văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ của đội ngũ giảng viên tham gia giảng dạy các học phần trong chương trình đào tạo

TT	Họ và tên	Ngành đào tạo	Văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ (Tiếng Anh)	Trình độ/Thang điểm	Ghi chú
1	Nguyễn Tổ Tâm	Kinh tế/ Kế toán - Kiểm toán	Ngôn ngữ Anh	Cử nhân	Thành viên Hiệp hội ACCA

TT	Họ và tên	Ngành đào tạo	Văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ (Tiếng Anh)	Trình độ/Thang điểm	Ghi chú
2	Trần Xuân Giao	Kế toán	Ngôn ngữ Anh	Cử nhân	
3	Cao Thị Phương Thủy		Ngôn ngữ Anh	Cử nhân	
4	Trương Thị Thu Hường		IELTS	5.0	
5	Nguyễn Hồng Nhung	Đầu tư tài chính			Thạc sĩ tại Anh (UK)
6	Nguyễn Ngọc Thía	Quản trị kinh doanh	Ngôn ngữ Anh	Cử nhân	
7	Dương Văn Hùng	Quản trị kinh doanh	Ngôn ngữ Anh	Cử nhân	
8	Đinh Thị Lan	Kế toán	Ngôn ngữ Anh	Cử nhân	
9	Phạm Quốc Huân	Tài chính	HSK	5	
10	Ngô Thành Nam	Kế toán		B2	
11	Nguyễn Ngọc Hiền	Kế toán	Ngôn ngữ Anh	Cử nhân	
12	Nguyễn Thị Kiều Trang	Kinh tế	IELTS	6.5	Hoàn thành 11/13 môn
13	Bùi Nhất Giang	Kế toán	IELTS	6.0	
14	Đinh Thị Minh Tâm	Tài chính	IELTS	6.0	
15	Nguyễn Quỳnh Anh	Tài chính	IELTS	6.0	
16	Ngô Thị Thuý Ngân	Kế toán	APTIS ESOL	B2	Hoàn thành 8/13 môn ACCA
17	Lê Quỳnh Anh	Kế toán	Ngôn ngữ Anh	2025	
18	Lê Thị Mai Hương	Tài chính	IELTS	5.5	
19	Nguyễn Thị Kim Chi	Kế toán	IELTS	5.5	
20	Vũ Thị Hường	Kế toán	Ngôn ngữ Anh	Cử nhân	
21	Ngô Thị Hiền	Kế toán	Ngôn ngữ Anh	Cử nhân	
22	Bùi Thị Tuyết	Kế toán	Ngôn ngữ Anh	Cử nhân	
23	Trần Thu Hường	Kế toán	APTIS ESOL	B2	
24	Dương Thị Phương Hoa	Kế toán		B2	
25	Nguyễn Tiến Anh	Kế toán kiểm soát	APTIS ESOL	B2	
26	Nguyễn Thị Vân Anh	Quản trị kinh doanh	Ngôn ngữ Anh	Cử nhân	

14.3. Cơ sở vật chất, công nghệ và học liệu đảm bảo phục vụ cho chương trình đào tạo

14.3.1. Hệ thống quản lý hỗ trợ học tập, quản lý đào tạo:

- Phần mềm Hệ thống quản lý giáo dục (PMT-EMS education) dùng chung trong toàn trường hỗ trợ công tác đào tạo (thời khóa biểu, đăng ký môn học, điểm, quản lý chương trình đào tạo); công tác sinh viên (quản lý sinh viên, cổng thông tin sinh viên, khảo sát đánh giá sinh viên); công tác khảo thí và đảm bảo chất lượng (tổ chức thi, chấm công giờ dạy).
- Phần mềm tổ chức thi trắc nghiệm phục vụ tổ chức thi kết thúc học phần.
- Cổng thông tin tuyển sinh tuyensinh.epu.edu.vn phục vụ cập nhật thông tin tuyển sinh, đăng ký tuyển sinh online trích xuất ra thông tin đăng ký tuyển sinh của thí sinh.
- Cổng thông tin điện tử epu.edu.vn đưa thông tin tuyển sinh, thông báo để phục vụ công tác tuyển sinh của nhà trường.

14.3.2. Phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy

Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ thực hiện chương trình đào tạo thuộc ngành đào tạo dự kiến mở trình độ đại học/thạc sĩ/tiến sĩ của cơ sở đào tạo

STT	Hạng mục	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)	Học phần /môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	227	22.716	Dùng chung	Cả khóa học
1.1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	10	2.940		
1.2	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	13	2.100		
1.3	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	106	11.570		
1.4	Số phòng học dưới 50 chỗ	0	0		
1.5	Số phòng học đa phương tiện	02	992		
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên toàn thời gian	96	5.114		
2	Thư viện, trung tâm học liệu	2	1.176		
3	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	62	10.424		

14.3.3. Danh sách các trung tâm, cơ sở hỗ trợ nghiên cứu, thực hành và thực tập

Hiện nay, Sinh viên và Giảng viên của Khoa Kế toán – Tài chính sử dụng các thiết bị được Nhà trường trang bị dùng chung tại các phòng thực hành.

Danh mục trung tâm, cơ sở hỗ trợ nghiên cứu, thực hành, thực tập						Ngành nghề kinh doanh	Tên học phần/môn học	Số người học/1 học kỳ	Thời gian thực hành/thực tập theo chương trình đào tạo
STT	Tên trung tâm, cơ sở hỗ trợ nghiên cứu, thực hành, thực tập	Địa điểm	Người đại diện	Số hợp đồng	Thời gian ký kết hợp đồng				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Công ty CP tư vấn và cung ứng nguồn nhân lực trẻ ACTAX	Số nhà 108 dãy A1 Tập thể đường Sắt, ngõ 2B phố Khâm Thiên, Phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Trần Thị Vân Anh			Hoạt động tư vấn quản lý	Thực tập tốt nghiệp	30	
2	Công ty TNHH Tư vấn Kế toán – Kiểm toán Auditcare & Partners Việt Nam	Số 191 Phố Lạc Long Quân, Hà Nội	Nguyễn Thị Thuý			Đào tạo	Thực tập tốt nghiệp	30	
3	Trung tâm đào tạo nguồn nhân lực Việt Vietsourcing	Tầng 5, Tòa nhà Kinh Đô, 292 Tây Sơn, Đống Đa, Hà Nội	Nguyễn Phương Hằng			Đào tạo	Thực tập tốt nghiệp, Kiến tập hè	30	
4	Hội kế toán công chứng Anh quốc ACCA	UK					Thực tập tốt nghiệp, Kiến tập hè	30	

14.3.4. Thư viện

- Diện tích sàn sử dụng cho Thư viện: 1.176m²
- Số chỗ ngồi: 200
- Số máy tính phục vụ tra cứu: 3
- Phần mềm quản lý: Libol 8.0

- Thư viện điện tử, thư viện số liên kết: <http://epu.tailieu.vn/>; <http://db.vista.gov.vn/>
- Số lượng sách: 42.848 cuốn

14.3.5. Danh mục giáo trình dùng trong chương trình đào tạo

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần	Thời gian sử dụng (HK, năm học)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Giáo trình Triết học Mác - Lênin (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị)	Bộ Giáo dục và Đào tạo	NXB Chính trị Quốc gia sự thật, 2023	1	Triết học Mác Lênin	003923	HK1, năm 1	VN1106754-8
2	Toán học Cao Cấp tập 2	Nguyễn Đình Trí chủ biên	Nhà xuất bản Giáo dục, 2001, 2001	251	Toán cao cấp 2	004546	HK1, năm 1	Vn1101823-2073
3	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	Nguyễn Cao Văn	NXB ĐH Kinh tế Quốc Dân, 2008, 2008	55	Xác suất thống kê	003657	HK1, năm 1	Vv1101272-3
4	Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Bộ Giáo dục và Đào tạo	NXB Chính trị Quốc gia sự thật, 2023	1	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	003928	HK1, năm 3	VN1106559-63
5	Giáo trình ứng dụng CNTT cơ bản	Trung tâm tin học, Đại học Khoa học Tự Nhiên	NXB ĐHQG TP HCM, 2022		Ứng dụng CNTT cơ bản	004547	HK1, năm 1	KMLV1400287
6	Pháp luật đại cương	Lê Minh Toàn	NXB Chính trị Quốc gia sự thật, 2015	5	Pháp luật đại cương	002018	HK1, năm 1	VN1106748-52
7	Giáo trình Kinh tế học, tập 1	Vũ Kim Dũng, Nguyễn Văn Công	NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2018, 2018	1	Kinh tế học quản lý	005218	HK1, năm 1	Vv1100647-66
8	Giáo trình Kinh tế chính trị Mác - Lênin (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị)	Bộ Giáo dục và Đào tạo	NXB Chính trị Quốc gia sự thật, 2021, 2021	1	Kinh tế Chính trị Mác Lênin	003925	HK2, năm 1	Vv1101349-53
9	Năng lượng Việt Nam Bước ra biển lớn	Hiệp hội năng lượng Việt Nam	Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, 2022, 2022		Năng lượng cho phát triển bền vững	004552	HK2, năm 1	KMD1800047

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần	Thời gian sử dụng (HK, năm học)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
10	Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị)	Bộ Giáo dục và Đào tạo	NXB Chính trị Quốc gia sự thật. 2021, 2021	1	Chủ nghĩa Xã hội khoa học	003926	HK1, năm 2	VN1106805-9
11	Empower (second edition), B1-Student's book	Adrian Doff & Craig Thaine	Cambridge University Press. 2022, 2022	1	Tiếng Anh 2	004549	HK2, năm 1	NN2201835
12	Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị)	Bộ Giáo dục và Đào tạo	NXB Chính trị Quốc gia sự thật. 2021, 2021	1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	003505	HK2, năm 2	KMN2300428
13	Thống kê ứng dụng trong kinh tế và kinh doanh	Hoàng Trọng, Chu Nguyễn Mộng Ngọc	Nhà xuất bản Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh. 2017	12	Thống kê ứng dụng trong kinh tế và kinh doanh	004557	HK1, năm 2	Vn1102723-34
14	Nguyên lý kế toán	Nguyễn Tô Tâm, Nguyễn Ngọc Hiền, Lê Thị Mai Hương, Nguyễn Đức Quang	NXB Nhà xuất bản giáo dục, 2018	1	Nguyên lý kế toán	001838	HK1, năm 2	KMV1800234
15	Hệ thống câu hỏi và bài tập Nguyên lý kế toán	Nguyễn Tô Tâm, Nguyễn Ngọc Hiền, Lê Thị Mai Hương, Nguyễn Đức Quang	NXB Nhà xuất bản giáo dục, 2018	1	Nguyên lý kế toán	001838	HK1, năm 2	KMV1800233;
								KMV1900395
16	Tài chính doanh nghiệp	Stephen A. Ross	Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh, 2020	1	Quản lý tài chính	002208	HK2, năm 2	KMV1800213
17	Giáo trình Kế toán quản trị	Nguyễn Ngọc Quang	NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2021, 2021	1	Kế toán quản trị và chi phí	001051	HK2, năm 3	Vv1107640-4
18	ACCA Approved Study Text Study Text for exams from 1 September 2015 to 31 August	BBP Learning Media	ACCA, 2015, 2015	1	Phân tích kinh doanh	004695	HK2, năm 4	NN1901790

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần	Thời gian sử dụng (HK, năm học)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
	2016 Paper P3 Business Analysis ACCA APPROVED Content Provider							
19	Tài chính doanh nghiệp	Stephen A. Ross	Kinh tế TP. Hồ Chí Minh, 2020	1	Tài Chính Doanh Nghiệp	002338	HK1, năm 3	KMV1800213
20	Phương pháp định lượng trong quản lý kinh tế	Lê Anh Tuấn và Cộng sự	NXB Giáo dục Việt Nam, 2012	5	Phương pháp tối ưu trong kinh tế	004723	HK1, năm 2	KMV1800110,23 7,900387
21	Lập, đọc, phân tích và kiểm tra báo cáo tài chính	Trần Mạnh Dũng	NXB Tài chính	1	Lập, trình bày và phân tích báo cáo tài chính	004692	HK1, năm 4	KMD1800013
22	Kế toán thuế trong doanh nghiệp và kỹ năng quyết toán thuế	Vũ Thị Kim Anh, Hà Thị Thúy Vân, Trần Mạnh Dũng	NXB Tài chính, 2021	1	Thuế và thực hành	004868	HK2, năm 3	KMV2300548
23	Quản trị nhân lực	Nguyễn Ngọc Quân, Nguyễn Văn Điềm	NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2012	1	Quản lý nhân lực	002176	HK1, năm 4	KMV1800238
24	Kinh tế học về Tiền, Ngân hàng và Thị trường Tài chính	Frederic S. Mishkin	Nhà xuất bản Tài chính, 2021	2	Tài chính-tiền tệ	002354	HK2, năm 1	KMV2300536-537
25	Thống kê ứng dụng trong kinh tế và kinh doanh	Hoàng Trọng, Chu Nguyễn Mộng Ngọc	Nhà xuất bản Đại học Kinh tế TP HCM, 2017	12	Thống kê ứng dụng trong kinh doanh	004557	HK1, năm 2	KMV2300520
26	Professional English in use finance	MacKenzie, Ian	Nxb.Cambridge University press, 2008	2	Tiếng Anh chuyên ngành kế toán	003212	HK1, năm 2	NN1201461-62
27	Giáo trình Kế toán tài chính doanh nghiệp	Học viện Tài chính	NXB Tài chính, 2019	1	Kế toán tài chính	005513	HK2, năm 2	KMD2300158
28	FA – Financial Accounting, Interactive text	ACCA	Nxb.Content reviewed by ACCA's examining team, 2018	1	Kế toán tài chính theo chuẩn mực quốc tế IFRSs (Financial Accounting 1 - ACCA)	004686	HK2, năm 2	KMNN1800077

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần	Thời gian sử dụng (HK, năm học)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
329	Kiểm toán	Bộ môn Kiểm toán, Khoa Kế toán, Trường Đại học Kinh tế Tp.HCM	NXB Lao động, 2021	1	Kiểm toán căn bản	001137	HK1. Năm 3	KML2300306
30	Giáo trình Hệ thống thông tin kế toán	Nguyễn Hữu Ánh, Trần Trung Tuấn	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, 2021	1	Tin học ứng dụng và hệ thống thông tin kế toán	004869	HK1, năm 3	KMV2300540
31	Tổ chức công tác kế toán	Nguyễn Tố Tâm, Nguyễn Thị Kim Chi	NXB Giáo dục, 2019	1	Tổ chức và thực hành kế toán trong doanh nghiệp	004870	HK2, năm 3	KMV1900396
32	Tổ chức công tác kế toán	Nguyễn Tố Tâm, Nguyễn Thị Kim Chi	NXB Giáo dục, 2019	1	Đề án môn học ngành Kế toán - Kiểm toán	004681	HK2, năm 2	KMV1900396
33	ACCA Foundation in Accountancy/ ACCA, Accountant in Business (FAB/AB), Interactive text	ACCA	Nxb.Content reviewed by ACCA's examining team, 2018	1	Enterprise & Entrepreneurship, ACCA (Tư duy doanh nghiệp và khởi nghiệp)	005514	HK1, năm 2	KMNN1800081
34	ACCA Foundations in Accountancy/ Management Accounting (FMA/MA) ACCA Approved Interactive text	ACCA	Nxb.Content reviewed by ACCA's examining team, 2018	1	Decision making with data, ACCA (Ra quyết định dựa trên dữ liệu)	005515	HK1, năm 3	KMNN1800083
35	ACCA Foundation in Accountancy/ ACCA, Accountant in Business (FAB/AB), Interactive text	ACCA	Nxb.Content reviewed by ACCA's examining team, 2018	1	Responsible Business Management, ACCA (Quản lý doanh nghiệp có trách nhiệm)	005516	HK1, năm 4	KMNN1800081
36	Giáo trình pháp Luật Kinh tế	TS. Lê Hợp Toàn. TS. Dương Nguyệt Nga	Đại học Kinh tế Quốc Dân; 2020	1	Business Law, ACCA (Luật kinh doanh ACCA)	005518	HK1, năm 2	KMV1800154-57
37	Kiểm soát nội bộ	Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh	NXB Lao động, 2021	1	Kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro trong tổ chức	004687	HK1, năm 4	KMV2300473

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần	Thời gian sử dụng (HK, năm học)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
38	Giáo trình Kiểm soát quản lý	Nguyễn Thị Phương Hoa	NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2009	1	Kiểm soát quản lý	004864	HK1, năm 4	KMV1800218
39	Tài chính cá nhân dành cho người Việt Nam, Tái bản lần thứ 4	Lâm Minh Chánh	NXB Văn hoá Văn nghệ TPHCM, 2020	1	Tài chính cá nhân ứng dụng	004698	HK1, năm 4	KMV2300531
40	ACCA Financial Accounting (FFA/FA) ACCA Approved Interactive text	ACCA	Nxb.Content reviewed by ACCA's examining team, 2018	1	Financial Accounting, ACCA (Kế toán tài chính theo định hướng ACCA)	005519	HK1, năm 3	KMNN1800077
41	ACCA Foundations in Accountancy/ Management Accounting (FMA/MA) ACCA Approved Interactive text	ACCA	Nxb.Content reviewed by ACCA's examining team, 2018	1	Management accounting 1, ACCA (Kế toán quản trị theo định hướng ACCA)	005517	HK2, năm 3	KMNN1800083
42	ACCA Foundations in Accountancy/ Management Accounting (FMA/MA) ACCA Approved Interactive text	ACCA	Nxb.Content reviewed by ACCA's examining team, 2018	1	Management accounting 2, ACCA (Kế toán quản trị 2 theo định hướng ACCA)	005520	HK2, năm 3	KMNN1800083
43	ACCA Advanced Audit and Assurances (AA) ACCA Approved Interactive text, BPP Learning Media	ACCA	BPP Learning Media, 2018	1	Assurance and Risks, ACCA (Dịch vụ đảm bảo và rủi ro)	005522	HK1, năm 4	NN1401617
44	ACCA Financial Reporting (FR) ACCA Approved Interactive text, BPP Learning Media	ACCA	Nxb.Content reviewed by ACCA's examining team, 2018	1	Financial reporting, ACCA (Kế toán tài chính nâng cao)	005521	HK2, năm 3	KMNN1800075

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần	Thời gian sử dụng (HK, năm học)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
45	Tổ chức công tác kế toán	Nguyễn Tổ Tâm, Nguyễn Thị Kim Chi	NXB Giáo dục, 2019	1	Thực tập tốt nghiệp	004573	HK2, năm 4	KMV1900396
46	Tổ chức công tác kế toán	Nguyễn Tổ Tâm, Nguyễn Thị Kim Chi,...	NXB Giáo dục, 2019	1	Khóa luận tốt nghiệp	004592	HK2, năm 4	KMV1900396

14.3.6. Danh mục sách chuyên khảo, tạp chí của ngành đào tạo

TT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần	Thời gian sử dụng (HK, năm học)	Ghi chú
1	Giáo trình Triết học Mác - Lênin	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Nxb Chính trị quốc gia. 2006	5	Triết học Mác Lênin	003923	HK1, năm 1	
2	Giáo trình Đại cương Nhà nước và Pháp luật	Đào Trí Úc, Hoàng Thị Kim Quế	NXB Đại học quốc gia Hà Nội. 2017		Pháp luật đại cương	002018	HK1, năm 1	
3	Giáo trình Kinh tế chính trị Mác-Lênin (Dành cho bậc đại học hệ chuyên lý luận chính trị)	Bộ Giáo dục và đào tạo	NXB Chính trị Quốc gia sự thật. 2004	5	Kinh tế Chính trị Mác Lênin	003925	HK2, năm 1	
4	Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam	Nguyễn Phú Trọng	Nxb Chính trị quốc gia Sự thật. 2022	1	Chủ nghĩa Xã hội khoa học	003926	HK1, năm 2	
5	Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh	Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh	Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, 2003	5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	003505	HK2, năm 2	
6	Giáo trình Nguyên lý kế toán	Nguyễn Hữu Ánh, Phạm Đức Cường	NXB Đại học Kinh Tế Quốc Dân, 2020	1	Nguyên lý kế toán	001838	HK1, Năm 2	
7	Giáo trình tài chính doanh nghiệp	Bùi Văn Văn	NXB Tài chính., 2013	1	Quản lý tài chính	002208	HK2, Năm 2	

TT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần	Thời gian sử dụng (HK, năm học)	Ghi chú
8	Câu hỏi và bài tập tài chính doanh nghiệp	Bùi Văn Vân	NXB Tài chính., 2009	1	Quản lý tài chính	002208	HK2, Năm 2	
9	Giáo trình kế toán quản trị doanh nghiệp	Đoàn Xuân Tiên	Nhà xuất bản Tài Chính, 2007	5	Kế toán quản trị và chi phí	001051	HK2 năm 2	
10	Giáo trình Phân tích báo cáo tài chính	Nguyễn Năng Phúc	NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2011	1	Phân tích kinh doanh	004695	HK1, Năm 4	
11	Giáo trình kế toán tài chính quyển 1	Nguyễn Xuân Hưng	NXB Kinh tế TP.HCM, 2017	1	Kế toán tài chính	005513	HK2, Năm 2	
12	Giáo trình kế toán tài chính quyển 2	Nguyễn Kim Cúc	NXB Kinh tế TP.HCM, 2017	1	Kế toán tài chính	005513	HK2, Năm 2	
13	Giáo trình kế toán tài chính quyển 2	Đặng Ngọc Vàng	NXB Kinh tế TP.HCM, 2017	1	Kế toán tài chính	005513	HK2, Năm 2	
14	Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam 2008 hướng dẫn mới nhất thực hiện 26 chuẩn mực kế toán	Bộ tài chính	Lao động xã hội, 2008	2	Kế toán tài chính	005513	HK2, Năm 2	
15	Giáo trình Lý thuyết tài chính tiền tệ	Nguyễn Hữu Tài	NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2012	30	Tài chính-tiền tệ	002354	HK2, Năm 2	
16	Phân Tích Dữ Liệu Nghiên Cứu Với SPSS - Tập 1+2	Hoàng Trọng, Chu Nguyễn Mộng Ngọc	NXB Hồng Đức, 2013		Thống kê ứng dụng trong kinh doanh	004557	HK1. Năm 2	
17	Giáo trình Quy hoạch tuyến tính tối ưu hóa	Bùi Phúc Trung và Cộng sự	NXB Lao động-Xã hội, 2023		Phương pháp tối ưu trong kinh tế	004723	HK1. Năm 2	Tự chọn
18	Hệ thống chuẩn mực kiểm toán quốc tế (sách dịch)	VACPA, Hội Kiểm toán viên hành nghề Việt Nam	NXB Tài chính, 2011	1	Kiểm toán căn bản	001137	HK1, năm 2	
19	Giáo trình hệ thống thông tin kế toán 1	Bộ môn Hệ thống thông tin kế toán	NXB Đại học Kinh tế, 2015	1	Tin học ứng dụng và hệ thống thông tin kế toán	004869	HK1, năm 3	
20	Thuế và kế toán thuế 2022	Phạm Ngọc Toàn, Vũ Thanh Long, Võ Văn Nhị	NXB Tài chính		Tổ chức và thực hành kế toán trong doanh nghiệp	004870	HK2, năm 3	
21	Giáo trình tài chính doanh nghiệp	Bùi Văn Vân	NXB Tài chính, 2013	3	Tài chính doanh nghiệp	002338	HK1, năm 4	

TT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần	Thời gian sử dụng (HK, năm học)	Ghi chú
22	Giáo trình phân tích tài chính	Đỗ Hồng Nhung	NXB ĐH Kinh tế quốc dân, 2021	1	Lập, trình bày và phân tích báo cáo tài chính	004692	HK1, năm 4	
23	Giáo trình phân tích báo cáo tài chính	Nguyễn Năng Phúc	NXB ĐH Kinh tế quốc dân, 2014	1				
24	Hướng dẫn thực hiện Đề án môn học chuyên ngành kiểm toán của Khoa Kế toán – Tài chính				Đề án môn học ngành Kế toán - Kiểm toán	004681	HK2, năm 2	
25	Giáo trình Kiểm soát	Nguyễn Ngọc Huyền	NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2018	1	Kiểm soát quản lý	004864	HK1, năm 4	Tự chọn
26	Giáo trình kế toán tài chính doanh nghiệp	Trương Thị Thủy	NXB Tài chính, 2020	1	Kiến tập hệ kế toán	004738	HK2, năm 3	
27	Giáo trình kế toán quản trị	Nguyễn Ngọc Quang	Nhà xuất bản kinh tế quốc dân, 2014	2				
28	Quản trị nguồn nhân lực – Lý luận và tình huống thực tiễn	Lưu Thị Minh Ngọc, Tạ Huy Hùng	NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2020		Quản lý nhân lực	002176	HK1, năm 4	Tự chọn
29	Personal Finance, Emeritus Professor of Finance	Jeff Madura	Florida Atlantic University, Pearson, 2020	1	Tài chính cá nhân ứng dụng	004698	HK1, năm 4	Tự chọn
30	Ready for PET	Kenny, N and Kelly, A	Laxmi Publications publisher. 2007		Tiếng Anh 2	004549	HK2, năm 2	
31	Preliminary English Test 1-8	Cambridge ESOL	Cambridge University Press. 2020					
32	Chương trình môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Ban hành năm 2018		Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	003928	HK1, năm 3	
33	ACCA Paper F1 Accountant in Business, BPP Learning Media	ACCA	ACCA		Tiếng Anh chuyên ngành kế toán	003212	HK1, năm 2	
34	ACCA Financial Accounting (FFA/FA) ACCA Practice & Revision Kit	ACCA	BPP Learning Media, 2018	1	Kế toán tài chính theo chuẩn mực quốc tế IFRSs (FFA - ACCA Diploma)	004686	HK2, năm 2	
35	Giáo trình Thuế	Nguyễn Thị Liên	NXB Tài chính, 2014	1	Thuế và thực hành	004868	HK2, năm 3	

TT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần	Thời gian sử dụng (HK, năm học)	Ghi chú
36	Thực hành tư duy thiết kế (The Design thinking playbook)	Michael Lewrick, Patrick Link, Larry Leifer	NXB Thế giới	1	Tư duy thiết kế	005192	HK1, năm 2	KMN 2500 450

15. Đối sánh chương trình đào tạo của các trường trong nước và nước ngoài

15.1. Danh sách các chương trình đào tạo cùng ngành của các Trường Đại học khác được đối sánh làm cơ sở đánh giá, cải tiến chất lượng chương trình đào tạo:

- Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh
<https://tuyensinh.ueh.edu.vn/bai-viet/cu-nhan-dai-hoc-chinh-quy-chuong-trinh-ke-toan-tich-hop-chung-chi-nghe-nghiep-quoc-te-acca-tieng-anh-ban-phan/>
- Đại học Ngoại thương
<https://qltd.ftu.edu.vn/chuong-trinh-dinh-huong-nghe-nghiep-quoc-te-acca-ke-toan-kiem-toan-ap-dung-tu-k62-tro-di/>
- Học viện Ngân hàng
https://drive.google.com/file/d/1bEYm1JyumoKZk2Ec_tY7eGFtvaVmqrhwf/view
- Monash Business school/Monash University - Australia
<https://handbook.monash.edu/2023/aos/accountg05>
- The University of Bristol - UK
https://www.bris.ac.uk/unit-programme-catalogue/RouteStructureCohort.jsa?ayrCode=26/27&byCohort=Y&programmeCode=9ECON020U&_gl=1*1hn2jkl*_ga*MTg1OTE4MzExMS4xNzY1ODA5MDY2*_ga_6R8SPL3HLT*czE3NjU4MDkwNjYkbzEkZzEkdDE3NjU4MDkwODIkajQ0JGwwJGgw

15.2. So sánh chương trình đào tạo (kèm theo phụ lục chi tiết các học phần)

Chương trình	Tổng TC	Tổng HP	GD ĐC	CSN	Ngành	CN
Đại học Điện Lực	128	41	11	6	17	7
Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh	126	44	14	7	12	11
Đại học Ngoại thương	134	43	11	14	5	13
Học viện Ngân hàng	134	47	16	16	5	10
Monash Business school/Monash University - Australia	48	8	0	2	4	2
The University of Bristol - UK	360	34	5	3	6	6

16. Hướng dẫn thực hiện chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo trình độ đại học Kế toán tích hợp chứng chỉ quốc tế được xây dựng theo định hướng ứng dụng. Phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng, mục đích, mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ và nguồn lực của Trường ĐHQG và theo hướng đổi mới phương pháp giảng dạy gắn liền với thực tiễn, giảm giờ lý thuyết, tăng giờ thảo luận và tự học, lấy người học làm trung tâm. Đồng thời, chương trình đào tạo được biên soạn đảm bảo sự liên thông với các ngành đào tạo khác. Khi thực hiện chương trình cần chú ý:

- Theo định hướng ứng dụng nhiều hơn hướng tiềm năng.
- Kiến thức cơ sở được rút gọn ở mức độ hợp lý.
- Khối kiến thức ngành sẽ được tăng lên, chủ yếu ở phần thực hành.

Việc triển khai chi tiết thực hiện chương trình đào tạo và giám sát chất lượng chuyên môn sẽ do Ban Giám hiệu, Hội đồng Khoa học và Đào tạo chỉ đạo thực hiện.

Trên cơ sở các đơn vị tín chỉ đã được Hiệu trưởng, Hội đồng Khoa học và Đào tạo phê duyệt, các Khoa, Bộ môn liên quan thực hiện và bổ sung, sửa đổi để cập nhật với chương trình đào tạo Kế toán tích hợp chứng chỉ quốc tế.

Một năm học có hai học kỳ chính, mỗi học kỳ chính có ít nhất 15 tuần thực học và 3 tuần thi. Ngoài hai học kỳ chính, Trường có thể tổ chức thêm học kỳ phụ để sinh viên có điều kiện được học lại, học cải thiện hoặc học vượt. Mỗi học kỳ phụ có ít nhất 5 tuần thực học và 1 tuần thi. Đảm bảo nguyên tắc sinh viên học lại, học cải thiện cùng khóa sau, học vượt học cùng khóa trước.

Tín chỉ được sử dụng để tính khối lượng học tập của sinh viên. Một tín chỉ được quy định bằng 15 tiết học lý thuyết; 30 tiết thực hành, thí nghiệm, làm tiểu luận, bài tập lớn; 40 giờ thực tập tại cơ sở; 80 giờ làm đồ án hoặc khóa luận tốt nghiệp.

Một tiết học được tính bằng 50 phút; 1 giờ là 60 phút.

Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có những đề xuất thay đổi về nội dung kiến thức sẽ đề xuất về đơn vị đầu mối trình Hội đồng Khoa học và Đào tạo xem xét điều chỉnh. Trong từng giai đoạn cụ thể, các Khoa chuyên môn đề xuất đơn vị quản lý đào tạo thay đổi các học phần tự chọn sao cho phù hợp với sự phát triển của khoa học và công nghệ.

17. Tổ chức giảng dạy và học tập

17.1. Trường không chấp nhận các trường hợp cá nhân hoặc đơn vị tự ý đổi thời khóa biểu sau khi đã có danh sách lớp học phần. Để không ảnh hưởng đến lịch học cá nhân của sinh viên, trong trường hợp bất khả kháng Khoa có thể bố trí giảng viên cùng chuyên môn dạy thay buổi học đó hoặc giảng viên phải báo hủy lịch dạy, xin dạy bù vào thời gian thích hợp. Trường chỉ chấp nhận Phiếu báo bận của giảng viên kèm theo bản copy Quyết định của Hiệu trưởng cử giảng viên đi công tác, học tập... trong thời gian xin hủy lịch dạy. Ngoài ra, mọi thay đổi về thời khóa biểu thực hiện theo quy chế đào tạo hiện hành.

17.2. Trường có Ban thanh tra đào tạo để thanh tra, giám sát nội bộ việc thực hiện quy chế đào tạo của giảng viên và sinh viên; có hệ thống cải tiến chất lượng dựa trên thu thập, đánh giá ý kiến phản hồi của sinh viên về các điều kiện bảo đảm chất lượng, hiệu quả học tập đối với tất cả các lớp học phần của Trường, kết quả khảo sát được xử lý theo quy định của Trường.

17.3. Căn cứ quy định về giảng dạy trực tuyến của Nhà trường, khoa Quản lý CTĐT đề xuất danh mục các học phần được tổ chức giảng dạy bằng hình thức trực tuyến; chiếm tối đa 30% tổng số tín chỉ các học phần trong CTĐT (không bao gồm các học phần Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng – An ninh). Lớp học trực tuyến được tổ chức khi đáp ứng các quy định hiện hành về ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và tổ chức đào tạo qua mạng; có các giải pháp bảo đảm chất lượng và minh chứng về chất lượng tổ chức lớp học phương thức trực tuyến không thấp hơn chất lượng lớp học

phương thức trực tiếp; các học phần giảng dạy trực tuyến phải quy định trong đề cương chi tiết học phần của chương trình đào tạo được Hiệu trưởng phê duyệt.

17.4. Trách nhiệm và quyền hạn của giảng viên được phân công giảng dạy hoặc hướng dẫn cho sinh viên các nội dung thí nghiệm, thực hành, các học phần đồ án, thực tập ...

a) Thực hiện nhiệm vụ của công chức, viên chức theo quy định của Luật Giáo dục, Luật cán bộ, công chức và pháp luật có liên quan; Giữ gìn phẩm chất, uy tín, danh dự của nhà giáo; tôn trọng nhân cách của sinh viên, đối xử công bằng với sinh viên, bảo vệ các quyền, lợi ích chính đáng của sinh viên; Tham gia quản lý đơn vị, tham gia công tác Đảng, đoàn thể khi được tin nhiệm và các công tác khác được Trường, Khoa, Bộ môn giao; Thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các quy chế, quy định của Trường;

b) Giảng dạy, kiểm tra, đánh giá học phần một cách khách quan, chính xác theo đúng đề cương chi tiết học phần và kế hoạch giảng dạy đã được ban hành;

c) Vận dụng linh hoạt và thường xuyên cải tiến phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá để đảm bảo truyền thụ cho sinh viên phương pháp luận, phát triển năng lực nhận thức, năng lực sáng tạo, kỹ năng nghề nghiệp và kỹ năng mềm; rèn luyện cho sinh viên phương pháp tự học, tự nghiên cứu, tư duy sáng tạo và đạo đức nghề nghiệp;

d) Tham gia quản lý giờ học của sinh viên trên lớp, phòng thí nghiệm, nhà xưởng hoặc trên thực địa và hướng dẫn sinh viên thực tập học phần ngoài trường, tự học, tự nghiên cứu, bao gồm: Xác định và giao các vấn đề, nội dung, yêu cầu để sinh viên hoặc nhóm sinh viên chuẩn bị cho nghe giảng và thảo luận trên lớp, thực hành, thí nghiệm; Xác định và giao các nhiệm vụ tự học, tự nghiên cứu cho sinh viên hoặc nhóm sinh viên;

17.5. Trách nhiệm của các đơn vị chuyên môn và các đơn vị quản lý, hỗ trợ liên quan đến sinh viên:

a) Đơn vị quản lý đào tạo: Lập tiến độ đào tạo trong năm học, lên kế hoạch mở lớp học phần cho từng học kỳ, tiếp nhận phân công giảng dạy cho giảng viên từ các Khoa/Bộ môn; xếp thời khoá biểu từng học kỳ; tổ chức cho sinh viên đăng ký học phần; chủ trì xét điều kiện cảnh báo học tập, thôi học; quản lý các bảng điểm gốc, kết quả học tập của sinh viên, bảng tổng hợp kết quả học tập của sinh viên theo Quyết định tốt nghiệp, tổ chức in ấn, cấp phát văn bằng, chứng chỉ của hệ chính quy do Phòng Quản lý Đào tạo thực hiện; của hệ vừa làm vừa học do Trung tâm Đào tạo thường xuyên thực hiện.

b) Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng: Tổ chức xây dựng và quản lý ngân hàng đề thi kết thúc học phần; xây dựng kế hoạch và tổ chức thi kết thúc học phần; khảo sát, lấy ý kiến đánh giá của người học về học phần và giảng viên giảng dạy.

17.6. Trách nhiệm và quyền hạn của sinh viên khi tham dự các lớp học, tham gia thí nghiệm, thực hành hoặc khi được giao thực tập, đồ án, khoá luận và các hoạt động học tập khác. Sinh viên khi nhập học được cung cấp email, tài khoản truy cập vào cổng thông tin ĐHĐL để xem thông tin về chương trình đào tạo, các quy chế, qui định liên quan đến đào tạo qua trang web của trường theo địa chỉ <http://www.epu.edu.vn>.

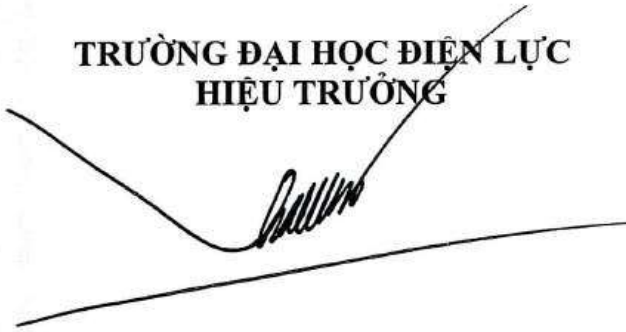
a) Nghiên cứu kỹ chương trình đào tạo để đăng ký học phần chính xác; đáp ứng các điều kiện để được đăng ký học phần thành công.

b) Tham dự đầy đủ các giờ lên lớp, thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ của sinh viên khi giảng viên yêu cầu.

c) Tham dự đầy đủ các bài kiểm tra thường xuyên, bài thi kết thúc học phần và hoàn thành báo cáo thực tập, thực hành, thí nghiệm theo quy định.

d) Thực hiện các quyền lợi và nghĩa vụ khác của sinh viên theo quy chế học sinh, sinh viên hiện hành.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỆN LỰC
HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Đinh Văn Châu

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2026
KHOA KẾ TOÁN – TÀI CHÍNH
TRƯỞNG KHOA



PGS.TS. Nguyễn Tố Tâm

PHỤ LỤC

Tài liệu tham khảo xây dựng chương trình

A. Các văn bản pháp lý

1. Quyết định 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;
2. Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ giáo dục và Đào tạo về ban hành quy chế đào tạo trình độ đại học.
3. Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ giáo dục và Đào tạo về Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.
4. Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ giáo dục và Đào tạo về Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ.
5. Quyết định 638/QĐ-ĐHĐL, ngày 24/5/2022 của Trường Đại học Điện lực về việc ban hành Quy định xây dựng, thẩm định, đánh giá, cải tiến chất lượng chương trình đào tạo trình độ đại học;
6. Quyết định 639/QĐ-ĐHĐL, ngày 24/5/2022 của Trường Đại học Điện lực về việc ban hành Quy định biên soạn, rà soát và điều chỉnh đề cương chi tiết học phần của Trường Đại học Điện lực;
7. Quyết định 1244/QĐ-ĐHĐL, ngày 12/8/2022 của Trường Đại học Điện lực ban hành Quy định về việc biên soạn, lựa chọn, thẩm định, duyệt và sử dụng tài liệu giảng dạy, giáo trình tại Trường Đại học Điện lực;
8. Quyết định 975/QĐ-ĐHĐL, ngày 04/7/2022 của Trường Đại học Điện lực về việc ban hành Quy định xây dựng, rà soát và điều chỉnh chuẩn đầu ra chương trình đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Điện lực;
9. Quyết định số 2996/QĐ-ĐHĐL ngày 27/11/2025 của Trường Đại học Điện lực về việc giao nhiệm vụ tổ chức thực hiện công tác đánh giá, cải tiến chất lượng chương trình đào tạo trình độ đại học Kế toán tích hợp chứng chỉ quốc tế, ngành Kế toán, mã ngành 7340301.
10. Quyết định 1835/QĐ-ĐHĐL ngày 22 tháng 10 năm 2024 của trường Đại học Điện lực ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Điện lực.
11. Kết quả khảo sát các bên liên quan.
12. Kết quả hội thảo về CDR, CTĐT.
13. Các văn bản về tầm nhìn, sứ mệnh, chiến lược của Trường Đại học Điện lực và Khoa Kế toán – Tài chính.

B. Khung chương trình các trường đại học trong nước và quốc tế**1. ĐẠI HỌC KINH TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

TT	Học kỳ	Loại học phần	Số tín chỉ
I	Học kỳ 1		13
1	Kỹ năng mềm	Bắt buộc	2
2	Phát triển bền vững	Bắt buộc	2
3	Toán ứng dụng	Bắt buộc	3
4	Nguyên lý kế toán	Bắt buộc	3
5	ACCA Kinh doanh, công nghệ	Bắt buộc	3
II	Học kỳ 2		22
1	Tiếng Anh lĩnh vực kinh doanh HP1	Bắt buộc	3
2	Tư duy thiết kế	Bắt buộc	2
3	Nhập môn khoa học dữ liệu và trí tuệ nhân tạo	Bắt buộc	2
4	Kinh tế vi mô	Bắt buộc	3
5	Thống kê ứng dụng	Bắt buộc	3
6	Luật kinh doanh	Bắt buộc	3
7	ACCA Kế toán tài chính 1	Bắt buộc	3
8	ACCA Kế toán tài chính 2	Bắt buộc	3
III	Học kỳ 3		21
1	Tiếng Anh lĩnh vực kinh doanh HP2	Bắt buộc	3
2	Kinh tế vĩ mô	Bắt buộc	3
3	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh	Bắt buộc	3
4	Hệ thống thông tin kế toán	Bắt buộc	3
5	ACCA Báo cáo tài chính 1	Bắt buộc	3
6	ACCA Kế toán quản trị 1	Bắt buộc	3
7	ACCA Kế toán quản trị 2	Bắt buộc	3
IV	Học kỳ 4		19
1	Khởi nghiệp kinh doanh	Bắt buộc	1
2	Mô phỏng hoạch định nguồn lực doanh nghiệp (ERP-SIM)	Bắt buộc	3
3	ACCA Báo cáo tài chính 2	Bắt buộc	3
4	ACCA Quản trị hiệu quả hoạt động 1	Bắt buộc	3
5	Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp	Tự chọn	3
6	Quản trị chiến lược trong môi trường số	Tự chọn	3
7	Quản trị dự án	Tự chọn	3
8	Marketing căn bản	Tự chọn	3
9	Tài chính doanh nghiệp	Tự chọn	3
10	Tài chính xanh	Tự chọn	3
11	Thanh toán quốc tế	Tự chọn	3
12	Kiểm toán công nghệ thông tin	Tự chọn	3
13	Điều tra gian lận trong kế toán	Tự chọn	3
14	Ra quyết định dựa trên dữ liệu	Tự chọn	3
15	Hoạch định thuế	Tự chọn	3
V	Học kỳ 5		19

TT	Học kỳ	Loại học phần	Số tín chỉ
1	ACCA_ Thuế	Bắt buộc	3
2	Kế toán tài chính Việt Nam	Bắt buộc	3
3	Phân tích dữ liệu trong kế toán	Bắt buộc	3
4	ACCA_ Kiểm toán 1	Bắt buộc	3
5	ACCA_ Kiểm toán 2	Bắt buộc	3
6	Biểu diễn trực quan dữ liệu	Tự chọn	3
7	Kế toán công	Tự chọn	3
8	Kiểm soát nội bộ	Tự chọn	3
9	Đo lường thành quả và báo cáo môi trường, xã hội, quản trị	Tự chọn	3
10	An toàn thông tin kế toán	Tự chọn	3
11	Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	Tự chọn	3
VI	Học kỳ 6		16
1	ACCA_ Quản trị tài chính 1	Bắt buộc	3
2	ACCA_ Quản trị tài chính 2	Bắt buộc	3
3	Thực tập và tốt nghiệp - CCA	Bắt buộc	10
V	Học kỳ 7		13
1	Triết học Mác - Lênin	Bắt buộc	3
2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Bắt buộc	2
3	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	Bắt buộc	2
4	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Bắt buộc	2
5	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Bắt buộc	2
6	Nhập môn tâm lý học	Bắt buộc	2
	Tổng tín chỉ		126

2. ĐẠI HỌC NGOẠI THƯƠNG

TT	Học kỳ	Loại học phần	Số tín chỉ
I	Học kỳ 1		14
1	Triết học Mác - Lênin	Bắt buộc	3
2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Bắt buộc	2
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Bắt buộc	2
4	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	Bắt buộc	2
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Bắt buộc	2
6	Kinh tế vi mô	Bắt buộc	3
II	Học kỳ 2		21
1	Tin học	Bắt buộc	3
2	Phát triển kỹ năng	Bắt buộc	3
3	Tư duy logic và phương pháp nghiên cứu	Bắt buộc	3
4	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	Bắt buộc	3
5	Toán tài chính	Bắt buộc	3
6	Kinh tế lượng	Bắt buộc	3
7	Tiếng việt cơ bản		3
III	Học kỳ 3		37

TT	Học kỳ	Loại học phần	Số tín chỉ
1	Nguyên lý kế toán	Bắt buộc	3
2	Kinh tế vi mô	Bắt buộc	3
3	Kinh tế vĩ mô	Bắt buộc	3
4	Quản trị học	Bắt buộc	3
5	Kinh doanh và Công nghệ (Business & Technology (F1))	Bắt buộc	4
6	Luật doanh nghiệp và kinh doanh (Corporate and Business Law (F4))	Bắt buộc	3
7	Phương pháp nghiên cứu trong kinh tế và kinh doanh (Research Methodology for Economics and Business)	Bắt buộc	3
8	Tiếng Anh chuyên ngành 1 (Tiếng Anh thương mại nâng cao) (English for Specific Purpose 1 (Advanced Business English))	Bắt buộc	3
9	Tiếng Anh chuyên ngành 2 (Giao tiếp kinh doanh)(English for Specific Purpose 2 (Business Communication))	Bắt buộc	3
10	Tiếng Anh chuyên ngành 3 (Kế toán- Kiểm toán) (English for Specific Purpose 3 (Accounting and Auditing))	Bắt buộc	3
11	Tiếng Anh chuyên ngành 4 (Hợp đồng) (English for Specific Purpose 4 (Contract))	Bắt buộc	3
12	Tiếng Anh chuyên ngành 5 (Diễn thuyết trước công chúng) (English for Specific Purpose 5 (Public Speaking))	Bắt buộc	3
IV	Học kỳ 4		6
1	Lý thuyết tài chính	Tự chọn	3
2	Nguyên lý thống kê kinh tế	Tự chọn	3
3	Marketing căn bản	Tự chọn	3
4	Thương mại điện tử	Tự chọn	3
5	Quản trị Đổi mới	Tự chọn	3
6	Cơ sở dữ liệu	Tự chọn	3
7	Lập trình cho phân tích dữ liệu và tính toán khoa học	Tự chọn	3
8	Trí tuệ nhân tạo trong kỷ nguyên chuyển đổi số	Tự chọn	3
V	Học kỳ 5		16
1	Kế toán quản trị	Bắt buộc	4
2	Kế toán tài chính 1 (Financial Accounting 1 (F3.1))	Bắt buộc	3
3	Kế toán tài chính 2 (Financial Accounting 1 (F3.2))	Bắt buộc	3
4	Nguyên lý kiểm toán	Bắt buộc	3
5	Thuế và hệ thống thuế ở Việt Nam	Tự chọn	3
6	Quản trị chiến lược	Tự chọn	3
7	Phân tích và đầu tư chứng khoán	Tự chọn	3
VI	Học kỳ 6		25
1	Thuế (Taxation (F6))	Bắt buộc	4
2	Báo cáo tài chính 1 (Financial Reporting 1 (F7.1))	Bắt buộc	3
3	Báo cáo tài chính 2 (Financial Reporting 1 (F7.2))	Bắt buộc	3
4	Kiểm toán & các dịch vụ bảo đảm 1 (Audit and Assurance 1 (F8.1))	Bắt buộc	3
5	Kiểm toán & các dịch vụ bảo đảm 2 (Audit and Assurance 1 (F8.2))	Bắt buộc	3
6	Quản trị Tài chính 1 (Financial Management 1 (F9.1))	Bắt buộc	3
7	Quản trị Tài chính 2 (Financial Management 1 (F9.2))	Bắt buộc	3

TT	Học kỳ	Loại học phần	Số tín chỉ
8	Kiểm toán nội bộ	Bắt buộc	3
VII	Học kỳ 7		12
1	Phân tích kinh doanh	Bắt buộc	3
2	Kế toán trách nhiệm xã hội	Bắt buộc	3
3	Kế toán máy	Bắt buộc	3
4	Hệ thống thông tin Kế toán	Bắt buộc	3
VIII	Học kỳ 8		
1	Thực tập và Khoá luận tốt nghiệp	Bắt buộc	12
	Tổng tín chỉ		137

3. HỌC VIỆN NGÂN HÀNG

STT	Học kỳ	Loại học phần	Số tín chỉ
I	Học kỳ 1		18
1	Phát âm	Bắt buộc	4
2	Kỹ năng nghe	Bắt buộc	3
3	Kỹ năng nói	Bắt buộc	4
4	Kỹ năng đọc	Bắt buộc	3
5	Kỹ năng viết	Bắt buộc	3
6	Triết học Mác – Lênin	Bắt buộc	3
II	Học kỳ 2		19
1	Năng lực số ứng dụng	Bắt buộc	3
2	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	Bắt buộc	2
3	Pháp luật đại cương	Bắt buộc	3
4	Toán kinh tế I	Bắt buộc	3
5	Kinh tế vi mô	Bắt buộc	3
6	Nguyên lý kế toán	Bắt buộc	3
7	Đổi mới sáng tạo	Tự chọn	2
8	Giao tiếp trong kinh doanh	Tự chọn	2
III	Học kỳ 3		21
1	Toán kinh tế II	Bắt buộc	3
2	Kế toán tài chính I	Bắt buộc	3
3	Tài chính - Tiền tệ	Bắt buộc	3
4	Luật kinh tế	Bắt buộc	3
5	Kinh tế vĩ mô	Bắt buộc	3
6	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Bắt buộc	3
7	Hệ thống thông tin quản lý	Bắt buộc	3
IV	Học kỳ 4		20
1	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Bắt buộc	2
2	Thống kê kinh doanh	Bắt buộc	3
3	Quản trị doanh nghiệp	Bắt buộc	3
4	Tài chính doanh nghiệp I	Bắt buộc	3
5	Kế toán tài chính II - định hướng ACCA	Bắt buộc	3

STT	Học kỳ	Loại học phần	Số tín chỉ
6	Thuế - định hướng ACCA	Bắt buộc	3
7	Kế toán quản trị I - định hướng ACCA	Bắt buộc	3
V	Học kỳ 5		19
1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Bắt buộc	2
2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Bắt buộc	2
3	Tài chính doanh nghiệp II	Bắt buộc	3
4	Kế toán thuế	Bắt buộc	3
5	Kiểm toán I - định hướng ACCA	Bắt buộc	3
6	Kế toán tài chính III - định hướng ACCA	Bắt buộc	3
7	Kế toán quản trị II - định hướng ACCA	Bắt buộc	3
VI	Học kỳ 6		18
1	Kế toán quốc tế	Bắt buộc	3
2	Thực tế nghề nghiệp	Bắt buộc	3
3	Kiểm toán nội bộ	Bắt buộc	3
4	Kiểm toán II - định hướng ACCA	Bắt buộc	3
5	Kế toán tài chính IV - định hướng ACCA	Bắt buộc	3
6	Phân tích dữ liệu trong tài chính – ngân hàng	Bắt buộc	3
	Ngân hàng thương mại	Tự chọn	3
	Nguyên lý thẩm định giá tài sản	Tự chọn	3
	Trí tuệ nhân tạo trong kinh doanh	Tự chọn	3
	Giao dịch thương mại quốc tế	Tự chọn	3
VII	Học kỳ 7		11
1	Kế toán trong môi trường số	Bắt buộc	3
2	Kiểm soát quản lý	Bắt buộc	3
3	Kế toán công	Bắt buộc	2
4	Phân tích dữ liệu trong kế toán	Bắt buộc	3
VIII	Học kỳ 8		8
1	Khoá luận tốt nghiệp	Bắt buộc	8
	Tổng tín chỉ		134

4. UNIVERSITY OF READING, UNIVERSITY OF SUSSEX

Monash University	University of Bristol
Năm 1	Năm 1
Nhập môn kế toán tài chính	Kế toán và tài chính cơ bản
Nhập môn kế toán quản trị	Kinh tế vĩ mô
Hệ thống thông tin kế toán	Nguyên lý kinh tế học
Kinh tế vi mô	Các phương pháp toán học thống kê kinh tế
Kinh tế vĩ mô	Kế toán trong bối cảnh thực tế
Thống kê kinh doanh	Toàn cầu hoá và phát triển
Luật kinh doanh/tài chính	Môi trường kinh doanh toàn cầu

Monash University	University of Bristol
Năm 2	Năm 2
Kế toán tài chính	Kế toán tài chính
Kế toán quản trị	Kế toán quản trị
Hệ thống thông tin kế toán	Nguyên lý tài chính
Luật doanh nghiệp	Phương pháp nghiên cứu định lượng ứng dụng
Học phần tự chọn	Tự chọn:
Kế toán cho sự phát triển bền vững	Lịch sử tư tưởng kinh tế
Phân tích và định giá tài chính	Quản trị học
Phân tích dự báo trong kế toán	Quản trị kinh doanh quốc tế
Kế toán cho biến đổi khí hậu	Quản lý công
Các vấn đề kế toán toàn cầu	Thuế học
Nền tảng tài chính	Cơ sở luật kinh doanh
<i>Thực tập</i>	Nghiệp vụ ngân hàng
Năm 3	Con người, công việc và tổ chức
Kế toán tài chính nâng cao	Năm 3
Kế toán quản trị nâng cao	Kế toán quản trị cho chiến lược
Kiểm toán và dịch vụ đảm bảo	Báo cáo tài chính doanh nghiệp nâng cao
Thuế	Tự chọn:
Luật phá sản và tái cấu trúc	Các vấn đề đương đại trong quản trị doanh nghiệp
Tài chính doanh nghiệp	Khủng hoảng tài chính
Luật công ty	Quản trị danh mục đầu tư
	Thị trường tài chính và tài chính doanh nghiệp
	Phái sinh và tài chính quốc tế
	Phân tích quyết định và mô phỏng
	Quản trị vận hành
	Trách nhiệm xã hội và sự bền vững của doanh nghiệp
	Phân tích báo cáo tài chính
	Kiểm toán
	Vấn đề toàn cầu và bối cảnh trong kế toán và kiểm toán
	Tội phạm và tham nhũng trong tổ chức
	Tài chính hành vi
	Kinh tế số

MỤC LỤC

BẢNG DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT	2
1. Thông tin về chương trình đào tạo	1
2. Mục tiêu chương trình đào tạo	1
3. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo	2
3.1. Chuẩn đầu ra.....	2
3.2 Chỉ báo cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	2
4. Vị trí làm việc sau tốt nghiệp	3
5. Khả năng phát triển và nâng cao trình độ.....	4
6. Chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo	4
7. Khối lượng kiến thức toàn khóa	4
8. Sơ đồ về mối liên hệ giữa các học phần trong chương trình đào tạo	5
9. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt được chuẩn đầu ra của chương trình	6
10. Tổ chức giảng dạy; Đánh giá kết quả học tập và cấp bằng tốt nghiệp	10
11. Cấu trúc chương trình đào tạo	10
12. Kế hoạch đào tạo dự kiến theo từng kỳ	11
13. Mô tả tóm tắt các học phần.....	13
14. Điều kiện thực hiện chương trình đào tạo	23
14.1. Đội ngũ giảng viên tham gia giảng dạy và nhân lực hỗ trợ chương trình đào tạo ..	23
14.2. Đội ngũ giảng viên, nhà khoa học tham gia giảng dạy các học phần trong chương trình đào tạo	24
14.3. Cơ sở vật chất, công nghệ và học liệu đảm bảo phục vụ cho chương trình đào tạo	30
14.3.4. Thư viện.....	31
14.3.5. Danh mục giáo trình dùng trong chương trình đào tạo	32
14.3.6. Danh mục sách chuyên khảo, tạp chí của ngành đào tạo	37
15. Đối sánh chương trình đào tạo của các trường trong nước và nước ngoài.....	41
15.1. Danh sách các chương trình đào tạo cùng ngành của các Trường Đại học khác được đối sánh làm cơ sở đánh giá, cải tiến chất lượng chương trình đào tạo:	41
15.2. So sánh chương trình đào tạo (kèm theo phụ lục chi tiết các học phần)	41
16. Hướng dẫn thực hiện chương trình đào tạo	41
17. Tổ chức giảng dạy và học tập.....	42
PHỤ LỤC	45
Tài liệu tham khảo xây dựng chương trình	45
A. Các văn bản pháp lý	45
B. Khung chương trình các trường đại học trong nước và quốc tế	46

BẢNG DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

Chữ viết tắt		Tiếng Việt
CTĐT		Chương trình đào tạo
ĐHĐL		Trường Đại học Điện lực
PEO	Program Education Objectives	Mục tiêu chương trình đào tạo
PI	Program Indicator	Chỉ báo đánh giá chuẩn đầu ra
PLO	Program Learning Outcome	Chuẩn đầu ra
